

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2019

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2020



EVNPECC3

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3
POWER ENGINEERING CONSULTING JOINT STOCK COMPANY 3

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty: **Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3**
Năm báo cáo: **Năm 2019**

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301475102 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP HCM cấp lần đầu ngày 17/11/2007 và đăng ký thay đổi lần 9 ngày 13/02/2018.
- Vốn điều lệ: 82.760.800.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 82.760.800.000 đồng.
- Địa chỉ: 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: 08.22211169
- Số fax: 08.39307938
- Website: www.pecc3.com.vn
- Mã cổ phiếu: TV3

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Tiền thân của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 là Phòng Thiết kế điện trực thuộc Công ty Điện lực miền Nam (1975), do nhu cầu phát triển nguồn và lưới điện nên ngày 13/02/1979 Bộ Điện và Than đã có QĐ số: 04/ĐT/TCCB thành lập Phân viện Quy hoạch thiết kế điện thay thế cho Phòng Thiết kế điện của Công ty Điện lực miền Nam. Đến ngày 7/5/1986 Bộ Điện Lực có QĐ số: 128/ĐL/TCCB cho đổi tên Phân viện Quy hoạch thiết kế điện thành Trung tâm Năng lượng trực thuộc Công ty Điện lực 2 (tên mới của Công ty Điện lực Miền Nam).
- Năm 1995, ngay sau khi thành lập Tổng Công ty Điện lực Việt Nam, Trung tâm Năng lượng được tách từ Công ty Điện lực 2 chuyển về trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam theo QĐ số: 429/ĐVN-TCCB-LĐ ngày 24/6/1995.
- Ngày 07/4/1999 theo QĐ số: 17/1999/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, quyết định chuyển Trung tâm Năng lượng thành Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.
- Ngày 26/01/2007 theo QĐ số: 335/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp phê duyệt phương án và chuyển Công ty Tư vấn xây dựng điện 3 thành Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3.

- Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Phiên giao dịch chứng khoán đầu tiên của Công ty đã được thực hiện ngày 01 tháng 12 năm 2009.
- Trải qua hơn 40 năm xây dựng và phát triển, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 không ngừng lớn mạnh, luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao, nhờ đó đã được Nhà nước tặng 01 Huân chương Độc lập hạng Nhì, 01 Huân chương Độc lập hạng Ba, 01 Huân chương Lao động hạng Nhất, 01 Huân chương Lao động hạng Nhì và nhiều bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công thương và Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- a) Lập qui hoạch phát triển điện lực các huyện, tỉnh, thành phố và qui hoạch phát triển các dự án nhà máy điện: thủy điện, nhiệt điện, điện hạt nhân, và năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt).
- b) Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư, hồ sơ mời thầu, hồ sơ đấu thầu các dự án nhà máy thủy điện, nhiệt điện, điện hạt nhân, năng lượng tái tạo; dự án xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; dự án đường dây tải điện và trạm biến áp.
- c) Khảo sát địa chất, địa hình, thủy văn xây dựng công trình nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp, công trình dân dụng và công nghiệp.
- d) Thiết kế, lập tổng dự toán công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp); công trình thủy lợi, thủy điện (đập, đường hầm, cống, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ sông); thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; thiết kế kiến trúc và thiết kế kết cấu các công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế hệ thống thông tin liên lạc công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình giao thông cầu - đường bộ;
- đ) Thẩm định dự án đầu tư, thẩm định thiết kế, thẩm định tổng dự toán và hồ sơ mời thầu... các dự án xây dựng nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp và công trình dân dụng và công nghiệp.
- e) Giám sát thi công xây dựng các công trình thủy lợi, công trình thủy điện, nhiệt điện, điện hạt nhân và năng lượng tái tạo; công trình dân dụng và công nghiệp, đường dây tải điện và trạm biến áp.
- g) Giám sát công tác lắp đặt phần điện công trình công nghiệp.
- h) Giám sát thi công và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình giao thông cầu - đường bộ;
- i) Giám sát công tác khảo sát địa chất, địa hình, thủy văn các công trình xây dựng nhà máy điện, lưới điện dân dụng và công nghiệp.

- k) Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nhà máy điện, lưới điện, dân dụng và công nghiệp.
- l) Thi công khoan phụt bê tông, khoan phun chống thấm, gia cố xử lý nền móng công trình xây dựng.
- m) Khoan thăm dò, kiểm tra lấy mẫu thử để đo chỉ tiêu vật lý, địa chất.
- n) Thí nghiệm đất, đá, cát, nước, bê tông, thép và các loại vật liệu xây dựng khác.
- o) Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nhà máy thủy điện, nhiệt điện, năng lượng tái tạo và các công trình đường dây tải điện, trạm biến áp và các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp.
- p) Kiểm định chất lượng công trình xây dựng, chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng các công trình xây dựng.
- q) Đo đạc bản đồ địa hình, địa chất, và vẽ bản đồ địa chính, chuyên ngành, Atlas...
- r) Khảo sát, lập dự án đầu tư, thiết kế công trình viễn thông.
- s) Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường, di dân tái định cư, đo đạc giải thửa, đền bù giải phóng mặt bằng công trình nhà máy điện, lưới điện, công trình dân dụng và công nghiệp.
- t) Gia công chế tạo, lắp đặt các thiết bị điện sinh hoạt và công nghiệp.
- u) Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình nguồn điện, công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện;
- v) Kinh doanh bất động sản.
- w) Thiết kế bản vẽ thi công và giám sát thi công hệ thống PCCC cho các công trình.
- x) Thi công lắp đặt điện mặt trời trên mái nhà.

- Địa bàn kinh doanh:

Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 có địa bàn kinh doanh trên toàn lãnh thổ (bao gồm cả đảo) của nước Việt Nam và một số nước trong khu vực Đông Nam Á như Lào, Cam Pu Chia ...

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 có cơ cấu tổ chức như sau:

- Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và ban Tổng Giám đốc
- Khối các đơn vị quản lý gồm 3 đơn vị là: phòng Tổ chức - nhân sự; phòng Kế hoạch - kinh doanh và phòng Tài chính - kế toán;
- Khối các phòng phục vụ và quản lý kỹ thuật gồm các đơn vị: Văn phòng Công ty, phòng Kỹ thuật & quản lý chất lượng, phòng Công nghệ thông tin.

- Khối các phòng trực tiếp sản xuất gồm các đơn vị: Phòng Thiết kế trạm, phòng Thiết kế đường dây, phòng Tư vấn đền bù, phòng Môi trường, Trung tâm Nhiệt điện và Năng lượng mới, phòng Thiết kế thủy điện, phòng Năng lượng tái tạo, phòng Nghiên cứu và phát triển dự án.
- Khối các đơn vị trực thuộc Công ty (Chi nhánh công ty).
 - + Chi nhánh Xí nghiệp Khảo sát và xây dựng điện.

Địa chỉ: 32 Ngô Thời Nhiệm - Phường 7 - Quận 3 - TP. Hồ Chí Minh

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Thí nghiệm mẫu đất, đá, cát, nước, kết cấu bê tông, thép và vật liệu xây dựng. Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nhà máy thủy điện, nhiệt điện, công trình đường dây tải điện, trạm biến áp và các công trình xây dựng. Thi công khoan phụt bê tông, xử lý nền móng công trình xây dựng. Khảo sát địa chất xây dựng công trình, thiết kế đo đạc địa hình công trình. Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình nguồn điện. Thiết kế công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp).

- + Chi nhánh Miền Trung:

Địa chỉ: Đường 23 tháng 10 - Phường Vĩnh Hiệp - TP. Nha Trang - tỉnh Khánh Hòa.

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Lập quy hoạch các dự án đầu tư, phát triển điện lực. Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư. Lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ đấu thầu dự án các nhà máy điện (thủy điện, nhiệt điện, nguồn và lưới điện) dự án xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, dự án năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt) dự án đường dây tải điện và trạm biến áp. Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường. Lập tổng dự toán các công trình. Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nguồn và lưới điện. Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nguồn và lưới điện, các công trình xây dựng dân dụng. Đo đạc khảo sát địa hình xây dựng công trình truyền tải điện. Thiết kế các công trình điện năng, công trình thủy lợi. Giám sát thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp.

- + Văn phòng đại diện tại Hà Nội

Địa chỉ: Phòng 233 khách sạn Bình Minh, 27 Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.

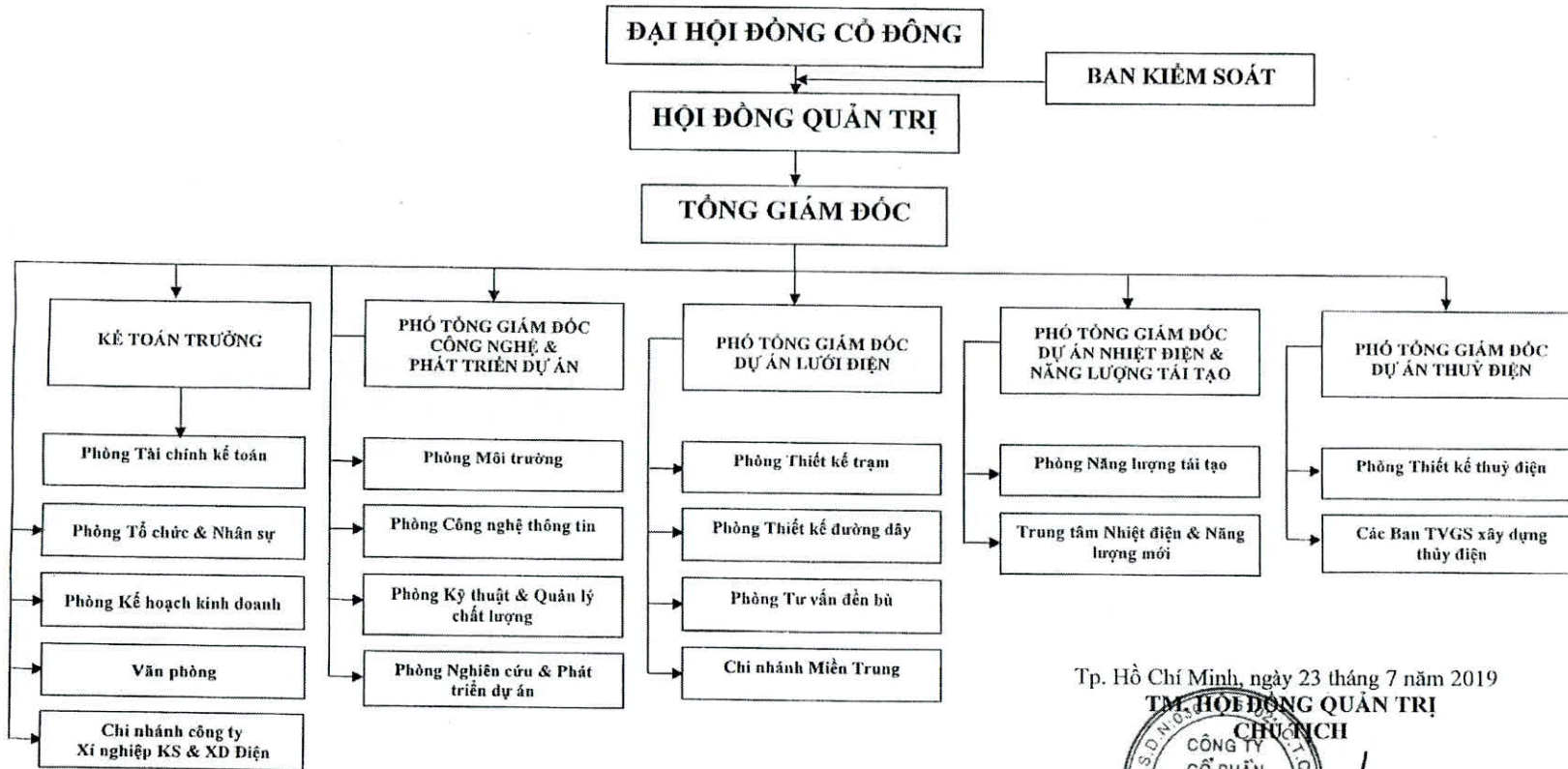
Lĩnh vực hoạt động: Thay mặt Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 giao dịch với khách hàng.



EVNPECC3

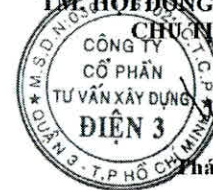
Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 (TV3)

	CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3	Lần ban hành: 03	MS: BM-NS-01
	SƠ ĐỒ TỔ CHỨC	Ngày ban hành: 01/11/2010	



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 7 năm 2019

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỨC NCH



Thái Tuấn Tài

5. Định hướng phát triển.

a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

+ Tầm nhìn: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 sẽ trở thành công ty tư vấn và thiết kế chuyên nghiệp hàng đầu tại Việt Nam và khu vực, cung cấp dịch vụ chất lượng và uy tín cho các khách hàng trong lĩnh vực năng lượng, công nghiệp và cơ sở hạ tầng.

+ Sứ mệnh: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 cung cấp các giải pháp xây dựng hiệu quả và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật chuyên nghiệp với đội ngũ có năng lực cao, tinh thần đồng đội, góp phần phát triển kinh tế đất nước.

+ Giá trị cốt lõi:

- Chính trực – Tin cậy
- Chuyên nghiệp – Sáng tạo – Hiệu quả
- Học hỏi – Phát triển
- Đoàn kết – Hợp tác – Thân thiện

b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Phát triển khách hàng tư nhân: Quảng bá thương hiệu, tiếp cận khách hàng tiềm năng; Tối ưu hóa doanh thu đối với khách hàng tư nhân hiện tại; Xây dựng đội ngũ kinh doanh, tiếp thị và chủ nhiệm dự án đáp ứng nhu cầu khách hàng theo “Tập hợp giá trị Khách hàng”.
- Mở rộng kinh doanh đến thị trường công nghiệp và cơ sở hạ tầng: Tiếp thị và tiếp cận khách hàng tiềm năng; Đẩy mạnh bán chéo dịch vụ Tư vấn thiết kế cho khách hàng nguồn điện; Đưa ra giải pháp rút lui khi không khả thi.
- Xây dựng thương hiệu uy tín: Tiếp thị tập trung đến các khách hàng tư nhân tiềm năng; Xây dựng nguồn nhân lực trực tiếp giao dịch với khách hàng; Xây dựng và phát triển văn hóa đáng tin cậy thông qua các hoạt động văn hóa doanh nghiệp.
- Nâng cao chất lượng: Nâng cao năng lực nhân sự trực tiếp giao dịch với khách hàng; Kiểm soát quy trình thực hiện dịch vụ theo CTRs; Các yêu cầu pháp lý và các tiêu chuẩn được áp dụng triệt để; Liên tục cập nhật phản hồi và yêu cầu của khách hàng đến bộ phận trực tiếp thực hiện dịch vụ; Tiếp thị và bán hàng thông qua việc Chăm sóc khách hàng thường xuyên.

c) Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến chiến lược ngắn hạn và trung hạn của Công ty thông qua việc thực hiện các mục tiêu và chương trình cụ thể sau:

- Tăng trưởng doanh thu: tận dụng cơ hội xu hướng đầu tư tư nhân vào lĩnh vực năng lượng tăng cao, đẩy mạnh tăng trưởng doanh thu đối với những khách hàng tư nhân để từng bước giảm sự phụ thuộc quá lớn vào doanh thu từ Nhà nước, cụ thể Giá trị doanh thu năm 2020 đạt 430 tỷ đồng và Giá trị doanh thu khối Tư nhân đạt 136 tỷ đồng.

- Quản lý hiệu quả chi phí: mang lại sự gia tăng lợi nhuận cho Công ty cũng như thúc đẩy sự đầu tư vào các hoạt động mang lại giá trị cao, cụ thể Giá trị lợi nhuận/doanh thu đạt 5%, xây dựng hệ thống CTRs cho các hoạt động của các đơn vị.
- Quản lý hiệu quả mối quan hệ khách hàng và các cơ quan ban ngành: xác định và quản lý danh sách các Khách hàng tư nhân tiềm năng (có thể mang lại doanh thu). Đồng thời, quản lý các mối quan hệ với các cá nhân, cơ quan có ảnh hưởng đến việc ra quyết định của Khách hàng tiềm năng trong việc lựa chọn tư vấn, cụ thể số lượng khách hàng tư nhân năm 2020 là 40 khách hàng.
- Gia tăng sự nhận biết thương hiệu: gia tăng sự hiện diện của thương hiệu PECC3 đến các khách hàng tiềm năng và các bên liên quan, cụ thể tăng cường tham dự và trình bày tại các buổi hội thảo chuyên ngành quy mô toàn quốc và khu vực.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ: góp phần giúp PECC3 phát triển bền vững năng lực cốt lõi của Công ty, cụ thể hoàn thành các quy trình thực hiện dịch vụ (quy trình sản xuất), quy trình chăm sóc khách hàng, tiếp thị và bán hàng.
- Nghiên cứu sản phẩm và xâm nhập thị trường công nghiệp và Cơ sở hạ tầng: tiến hành nghiên cứu, đánh giá và đưa ra kế hoạch tiếp cận khách hàng và bán sản phẩm, đồng thời đưa ra kế hoạch rút lui khỏi thị trường nếu không khả thi.
- Phát triển năng lực nhân sự chủ chốt: xây dựng kế hoạch đào tạo để phát triển năng lực của các nhân lực chủ chốt, tập trung vào các Chủ nhiệm dự án, Nhân viên kinh doanh, Nhân viên tiếp thị và Nhân viên Chăm sóc khách hàng.
- Xây dựng đội ngũ tập trung chiến lược: đào tạo kỹ năng cho các nguồn lực nội bộ để có thể xây dựng chiến lược và triển khai chiến lược hiệu quả.
- Xây dựng văn hóa đáng tin cậy: xây dựng văn hóa đáng tin trong phạm vi cá nhân, đội nhóm, phòng ban và Công ty sẽ mang lại sự hài lòng, gắn kết của nhân viên cũng như ảnh hưởng mạnh mẽ đến việc xây dựng thương hiệu uy tín Công ty.

6. Các rủi ro:

- Chiến lược, quy hoạch các phân ngành năng lượng: điện, than, dầu khí, NLTT không được xây dựng dựa trên một chiến lược chung toàn ngành năng lượng dẫn đến sự phát triển không đồng bộ, không thống nhất giữa các phân ngành năng lượng cũng như sự phát triển thiếu đồng bộ, thống nhất, cân đối, hài hòa của toàn ngành năng lượng. Việc này sẽ dẫn đến các rủi ro và khó khăn khi tham gia tư vấn cho các dự án.
- Công tác quy hoạch phát triển điện và quy hoạch sử dụng đất của các địa phương chưa đồng bộ, Chính sách đất đai và giá đền bù thấp. Tuyến ĐZ đi qua nhiều địa phương, mỗi địa phương lại áp dụng áp giá đền bù khác nhau. dẫn đến rủi ro trong công tác tư vấn, thiết kế các dự án cụ thể.

- Rủi ro trong công tác giải phóng mặt bằng, đền bù giải tỏa, tranh chấp đất đai... dẫn đến rủi ro cho tiến độ thỏa thuận thực hiện dự án dẫn đến bị phạt hợp đồng do chậm trễ tiến độ.
- Các Chủ Đầu tư Nhà nước ngày càng đòi hỏi nâng cao chất lượng tư vấn nên đưa vào điều khoản hợp đồng ràng buộc trách nhiệm tư vấn ngày càng khắt khe, các điều khoản phạt, bồi thường rất cao nên rủi ro phải bồi thường thiệt hại càng lớn .
- Thị trường cạnh tranh ngày càng quyết liệt với sự xuất hiện của rất nhiều các doanh nghiệp tư vấn ngoài ngành, tư vấn tư nhân và tư vấn nước ngoài.
- Một số thị trường truyền thống như thị trường tư vấn thủy điện đang giảm mạnh. Phát triển điện mặt trời bị chững lại do quy hoạch thiếu đồng bộ giữa nguồn và lưới.
- Nền kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn ở phía trước sẽ dẫn đến những rủi ro tiềm tàng trong việc triển khai và thanh toán.
- Thủ tục đấu thầu tư vấn mất rất nhiều thời gian. Điều này tạo nên rủi ro lớn lên các đơn vị tư vấn vì khi ký xong hợp đồng thì thời gian thực hiện không còn nhiều nên gây ảnh hưởng tới tiến độ và chất lượng của công trình.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2019.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Năm 2019 là năm thứ hai Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 triển khai các nhiệm vụ chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty giai đoạn 2018 – 2022, từng bước hiện thực hóa mục tiêu đã đề ra.
- Bám sát vào các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm của ngành điện nói chung, của Công ty nói riêng, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 đã nỗ lực không ngừng nhằm đảm bảo hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh được nâng cao và phát triển bền vững.

2. Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2019:

2.1. Kế hoạch doanh thu năm 2019: 390 tỷ đồng (trước thuế)

Doanh thu thực hiện năm 2019: **392,06 tỷ đồng (trước thuế)** đạt 100,53% kế hoạch năm 2019.

Trong đó:

TT	ĐƠN VỊ	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành	Tỷ trọng
1	CN Xí nghiệp KS&XD điện	78,00	93,746	120,19%	23,91%
2	CN miền Trung	38,00	41,450	109,08%	10,57%
3	TT Nhiệt điện và Năng lượng mới	62,00	54,467	87,85%	13,89%
4	P. Năng lượng tái tạo	14,00	11,654	83,24%	2,97%
5	P. Thiết kế Đường dây	35,00	48,838	139,54%	12,46%
6	P. Thiết kế Trạm	35,00	39,591	113,12%	10,10%
7	P. Thiết kế Thủy điện	25,00	10,324	41,30%	2,63%

8	Phòng Môi trường	13,00	7,984	61,42%	2,04%
9	P. Tư vấn Đèn bù	4,00	3,857	96,43%	0,98%
10	P. Kế hoạch kinh doanh	3,00	2,498	83,27%	0,64%
11	Thuê ngoài	37,00	6,960	18,81%	1,78%
12	Khác	46,00	66,305	144,14%	16,91%
13	P. Nghiên cứu phát triển		0,109		0,03%
14	Doanh thu hoạt động tài chính		3,822		0,97%
15	Doanh thu khác		0,455		0,12%
	Tổng cộng	390,000	392,060	100,53%	100,00%

2.2. Kế hoạch đầu tư xây dựng và mua sắm tài sản:

- Mua sắm tài sản: 6,97 tỷ đồng, đạt 69,71% kế hoạch năm 2019.
- Đầu tư góp vốn năm 2019: 258,42 triệu đồng đầu tư vào Công ty Sunpro.

3. Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành:

a) Ông Thái Tuấn Tài: Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc;

Sinh ngày: 11 tháng 5 năm 1962;

Nơi sinh: 870 Trần Hưng Đạo, Quận 5, TP Hồ Chí Minh;

Học vị: Kỹ sư - Thạc sĩ Kỹ thuật; chuyên ngành điện.

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1987: Tốt nghiệp Kỹ sư điện, chuyên ngành Điện khí hóa và Tự động hóa khai thác mỏ tại trường Đại học Mátxcova.

Năm 2004: Tốt nghiệp Thạc sĩ kỹ thuật, chuyên ngành Hệ thống Điện tại trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2012: Tốt nghiệp Cao cấp Lý luận chính trị - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh Khu vực II.

Quá trình công tác:

Từ 2009 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2007 đến 2008: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3

Từ 2003 đến 12/2007: Phó Giám đốc Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 1999 đến 4/2003: TP. Thiết kế trạm Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 1997 đến 1999: Phó Trưởng phòng Thiết kế điện Trung tâm Năng lượng;

Từ 1988 đến 1997: Nhân viên Thiết kế điện Trung tâm Năng lượng;

b) Ông Tôn Thất Hùng: Ủy viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc;

Sinh ngày: 11 tháng 5 năm 1961;

Nơi sinh: Nha Trang, Khánh Hòa;

Học vị: Kỹ sư - Thạc sĩ Kỹ thuật chuyên ngành hệ thống điện.

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1983: Tốt nghiệp Kỹ sư Điện - Đại học Bách khoa Đà Nẵng;

Năm 2004: Tốt nghiệp Thạc sĩ kỹ thuật, chuyên ngành Hệ thống Điện tại trường Đại học Đà Nẵng.

Năm 2008: Tốt nghiệp Cao học Quản trị kinh doanh tại Đại học Bách khoa Hà Nội

Năm 2012: Tốt nghiệp Cao cấp chính trị - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh Khu vực II.

Quá trình công tác:

Từ 2008 đến nay: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2007 đến 2008: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tư vấn XD điện 3;

Từ 3/1999 đến 12/2007: Trưởng đoàn Tư vấn khảo sát thiết kế miền Trung - Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 1992 đến 3/1999: Phó Trưởng phòng Thiết kế trạm Phân viện Thiết kế điện Nha Trang;

Từ 1983 đến 1992: Nhân viên phòng Thiết kế trạm Phân viện Thiết kế điện Nha Trang;

c) Ông Nguyễn Trí Trinh - Phó Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 01 tháng 01 năm 1962;

Nơi sinh: Quảng Trị

Học vị: Tiến sỹ Công trình thủy

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1984: Tốt nghiệp đại học chuyên ngành xây dựng thủy lợi - thủy điện tại Đại học Bách khoa Đà Nẵng

Năm 1998: Tốt nghiệp Thạc sỹ Thủy công tại Đại học Thủy lợi

Năm 2008: Tốt nghiệp tiến sỹ Công trình thủy tại Đại học Thủy lợi

Nhiều năm: Các lớp đào tạo Giám đốc điều hành; chủ nhiệm đồ án thiết kế; ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng phần mềm cho chuyên ngành thiết kế thủy lợi, thủy điện.

Từ 01/7/2013 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Tư vấn XD điện 3;

Từ 2009 đến 06/2013: Trưởng đoàn Tư vấn khảo sát thiết kế điện Miền Bắc - Phụ trách văn phòng đại diện tại Hà Nội - Công ty CP Tư vấn XD điện 3;

Từ 8/2003 đến 2008: Phó Giám đốc trung tâm, Trung tâm tư vấn và chuyên gia công nghệ Tổng Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam;

Từ 2001 đến 7/2003: Trưởng phòng, Xí nghiệp thiết kế 3 Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi 1;

Từ 6/1993 đến 2000: Kỹ sư - Xí nghiệp thiết kế 3 Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi 1;

Từ 1990 đến 5/1993: Kỹ sư - Công ty xây dựng thủy lợi Đắk Lắk;

Từ 4/1984 đến 1989: Kỹ sư tư vấn giám sát, Ban kiến thiết Đá Bàn tỉnh Khánh Hòa.

d) Ông Trần Lê Minh - Phó Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 02 tháng 3 năm 1966

Nơi sinh: Quảng Ngãi

Học vị: Kỹ sư điện. Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1989: Tốt nghiệp đại học chuyên ngành Hệ thống điện tại Trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh;

Thạc sỹ quản trị kinh doanh (năm 2010) do đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức.

Nhiều năm: Các lớp đào tạo ngoại ngữ; ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng phần mềm cho chuyên ngành thiết kế điện, hệ thống điện

Từ 01/02/2009 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2003 đến 2009: TP. Dự án nguồn Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 1999 đến 2003: Phó TP. Dự án Nguồn Công ty TV xây dựng điện 3;

Từ 1990 đến 1999: Phòng Dự án Nguồn Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.

e) Ông Nguyễn Duy Bình - Phó Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 22 tháng 01 năm 1967

Nơi sinh: Phường Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Học vị: Kỹ sư thiết bị điện tàu thủy. Thạc sỹ kỹ thuật điện; Thạc sỹ Quản trị tài chính doanh nghiệp.

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

+ Từ 9/2015 – 9/2017: Học và tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị tài chính doanh nghiệp Trường ESCP/Paris Dauphine, Cộng Hòa Pháp;

+ Năm 1991: Tốt nghiệp Thạc sỹ Kỹ thuật điện tại Trường Đại Học Kỹ thuật Điện Leningrad – Liên Xô cũ.

+ Từ 1985- 1991: Học tại trường Đại Học Kỹ thuật Điện Leningrad, Liên Xô.

Quá trình công tác:

+ Từ 16/5/2019 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;

+ 3/2015 – 5/2019: Phó Trưởng Ban KT-SX EVN

+ 1/2015-2/2015: Trợ Lý Chủ tịch Hội Đồng Thành viên EVN (Hàm trưởng Ban Tập đoàn);

+ 9/2008-12/2013: Phó Chủ tịch Tập Đoàn Alstom (Thụy Sĩ) phụ trách chuỗi cung ứng và Sản xuất toàn cầu;

+ 6/2000-8/2008: Trưởng Đại Diện công ty công ty Alstom Thụy Sĩ tại Việt Nam;

+ 1/1999-5/2000: Kỹ sư hiệu chỉnh nhà máy thủy điện – Công ty Liên Doanh ABB Alstom Power, Thụy Sĩ;

+ 10/1996-12/1998: Kỹ sư hiệu chỉnh nhà máy nhiệt điện tuabin khí- Công ty ABB, Thụy Sĩ;

+ 9/1991-9/1995: Kỹ Sư Trưởng Giàn Khoan – Liên Doanh Dầu khí Việt Xô.

f) Ông Phạm Hoàng Vinh: Kế toán trưởng

Sinh ngày: 26 tháng 10 năm 1971

Nơi sinh: TP Hồ Chí Minh

Học vị: Cử nhân kế toán.

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 2017: Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành kế toán tại Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh;

Năm 1995: Tốt nghiệp Cao đẳng chuyên ngành kế toán tại Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh;

Nhiều năm: Các lớp đào tạo về tài chính; về quản lý và ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng phần mềm kế toán;

Từ 01/01/2019 đến nay: Kế toán trưởng Công ty CP Tư vấn XD điện 3;

Từ 01/12/2007 đến 31/12/2018: Trưởng phòng TCKT Công ty CP Tư vấn XD điện 3;

Từ 2005 đến 2007: Trưởng Phòng TCKT Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 1999 đến 2005: Phó Trưởng phòng TCKT Công ty TV xây dựng điện 3;

Từ 1995 đến 1999: Nhân viên Phòng TCKT Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.

Những thay đổi trong Ban Điều hành: Bổ nhiệm thêm 01 Phó Tổng Giám đốc phụ trách nghiên cứu và phát triển dự án từ ngày 16/5/2019.

Số lượng cán bộ, nhân viên:

+ Tổng số lao động tính đến 31 tháng 12 năm 2019 là: 480 người;

Công ty chúng tôi hiện có lực lượng lao động trẻ, trí thức và năng động với 480 cán bộ công nhân viên trong đó 80% có trình độ cao đẳng, trung cấp, đại học và trên đại học, cụ thể như sau:

- Tiến sĩ:	01 người
- Thạc sĩ:	30 người
- Kỹ sư và đại học,	306 người
- Cao đẳng - Trung cấp:	46 người
- Công nhân kỹ thuật:	75 người
- Lao động phổ thông:	22 người

Lực lượng lao động của Công ty bao gồm nhiều chuyên ngành như: điện, xây dựng, kiến trúc, thủy công, năng lượng, cơ khí, trắc địa, địa chất, thủy văn, kinh tế, tài chính, luật, tin học, môi trường ... được đào tạo từ các trường đại học trong và ngoài nước.

Công ty luôn quan tâm trang bị các phương tiện làm việc hiện đại cho người lao động và liên tục cập nhật các tiêu chuẩn chuyên ngành của Việt Nam và quốc tế.

+ Đối với người lao động, Công ty áp dụng các chế độ, chính sách trả lương thưởng và phúc lợi theo đúng quy định của pháp luật, đồng thời áp dụng hệ thống trả lương 3P để khuyến khích người lao động làm việc hiệu quả hơn, góp phần tăng năng suất lao động và hiệu quả cho doanh nghiệp.

4. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

4.1. Tình hình đầu tư:

- Năm 2019, Công ty đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Điện gió Sunpro – Bến Tre số 8 số tiền 258,42 triệu đồng.

4.2. Tình hình thực hiện dự án:

4.2.1. Nhiệt điện:

- NMNĐ Vĩnh Tân 4 (2x600MW): sử dụng công nghệ ngưng hơi truyền thống với thông số hơi siêu tới hạn, với vai trò tư vấn hỗ trợ Chủ đầu tư, sau thời gian thực hiện công tác giám sát trong giai đoạn bảo hành, NMNĐ Vĩnh Tân 4 đã được khánh thành ngày 21/09/2019.
- NMNĐ TBKHH Miền Trung I&II (1500MW): Tư vấn lập hồ sơ nghiên cứu tiền khả thi, khảo sát và lập hồ sơ nghiên cứu khả thi: Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt theo QĐ số 1459/QĐ-TTg ngày 25/10/2019.
- NMNĐ khí LNG ECV-Bình Thuận (1200MW): Lập báo cáo đầu tư, Báo cáo điều chỉnh bổ sung quy hoạch vào quy hoạch điện Quốc Gia.
- NMNĐ khí LNG Sơn Mỹ 2 (3x750MW): Lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; Báo cáo nghiên cứu khả thi và các báo cáo chuyên ngành.
- NMNĐ Hiệp Phước (2500MW): Lập báo cáo điều chỉnh bổ sung quy hoạch, Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi và các báo cáo chuyên ngành (Giai đoạn 1: 1000MW).
- Tư vấn chính đấu thầu – lập HSMT, đánh giá HS dự thầu và thương thảo hợp đồng EPC dự án NMNĐ Quảng Trạch 1 (2x600MW).
- TVGS&QL hợp đồng EPC NMNĐ Vĩnh Tân 4 mở rộng (1x600MW) đưa vào vận hành ngày 05/10/2019 (sớm gần 3 tháng so với hợp đồng).
- Tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án NMNĐ Ô Môn IV (1050MW) được Tập đoàn EVN phê duyệt tại QĐ số 386/QĐ-EVN ngày 30/09/2019.
- Tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án mở rộng mái che kho than NMNĐ Duyên Hải 1; NMNĐ Duyên Hải 3.
- Tư vấn hỗ trợ Chủ đầu tư thực hiện thử nghiệm đốt than trộn, tăng hiệu suất vận hành NMNĐ Vĩnh Tân 2.
- Thăm tra thiết kế bản vẽ thi công NMNĐ Nghi Sơn 2 (1200MW).
- Bên cạnh đó, Công ty luôn chủ động, xúc tiến tìm kiếm và liên hệ với Chủ đầu tư các dự án điện tại Việt Nam để bày tỏ sự quan tâm, gửi bản chào và đàm phán các hợp đồng đối với các dự án nhiệt điện.

4.2.2. Thủy điện:

- Đã và đang thực hiện hiệu quả công tác tư vấn giám sát thi công các dự án thủy điện như: thủy điện Xekaman3 tại Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào; thủy điện Đa Dâng, thủy điện Đa Nhim mở rộng tại Lâm Đồng...
- Thực hiện khảo sát, thiết kế kỹ thuật dự án thủy điện Hou Way ka Oan; Thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công dự án Thủy điện Nậm Long 2&3; Thiết kế bản vẽ thi công dự án Thủy điện Nậm Hóa 1, ...
- Bên cạnh công tác tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát các dự án, Công ty đang tích cực phối hợp cùng Chủ đầu tư và các nhà thầu để hoàn thành thanh quyết toán và quyết toán hợp đồng dự án thủy điện Đồng Nai 5; thủy điện Bắc Mê; thủy điện Xekaman1.

- Xúc tiến công tác đấu thầu, tìm kiếm hợp đồng các công việc thủy điện như: cắm mốc ranh lòng hồ, quan trắc chuyên dịch công trình, lập phương án phòng chống lũ lụt hạ du, kiểm tra và chứng nhận an toàn các đập thủy điện, v.v...

4.2.3. Lưới điện:

a. Đóng điện đưa vào vận hành năm 2019 các công trình:

- ĐD 500kV Sông Mây – Tân Uyên và TBA 500kV Tân Uyên (28/08/2019), ĐD 500kV Long Phú – Ô Môn (26/10/2019).
- ĐD 220kV Long Phú - Cần Thơ - Trà Nóc (16/05/2019), Mạch 2 ĐD 220kV Đông Hà-Huế (tháng 12/2019); ĐD 220kV Bình Long – Tây Ninh (tháng 06/2019); ĐD 220kV Pleiku 2- An Khê (tháng 12/2019); ĐD 220kV Nam Sài Gòn - Quận 8 (tháng 06/2019).
- Lắp MBA 500kV, 220kV thứ 2 TBA 500kV Tân Uyên (30/11/2019), Lắp MBA thứ 2 TBA 220kV Xuân Lộc (26/05/2019), Lắp MBA thứ 2 TBA 220kV Đức Trọng (29/06/2019).

b. Tình hình thực hiện các dự án:

- ĐD 500kV Đức Hòa – Chơn Thành đã hoàn thành BCNCKT (được phê duyệt ngày 31/01/2019), TKKT-TDT (đã hoàn thành và họp thẩm tra ngày tại NPT ngày 26/12/2019).
- ĐD 500kV Long Thành - rẽ Phú Mỹ - Sông Mây đã hoàn thành TKKT-TDT (được phê duyệt ngày 26/06/2019).
- ĐD 500kV Ô Môn – Thốt Nốt đã hoàn thành BCNCKT (được phê duyệt ngày 06/06/2019).
- ĐD 500kV Dốc Sỏi – Pleiku 2: cơ bản hoàn thành TKBVTC, đang thi công chuẩn bị đóng điện.
- ĐD 500kV đấu nối NM nhiệt điện Nghi Sơn 2 vào HTĐ Quốc gia: cơ bản hoàn thành TKBVTC, đang thi công chuẩn bị đóng điện.
- TBA 500KV Long Thành hoàn thành BCNCKT (được phê duyệt ngày 04/07/2019), TKKT-TDT (được phê duyệt ngày 15/11/2019) và dự án được khởi công vào tháng 12/2019.
- ĐD 500kV Dốc Sỏi – Pleiku 2: Hoàn thành 90% TKBVTC và đượ khởi công ngày 18/12/2018. Dự kiến hoàn thành đóng điện trước ngày 31/03/2020.
- Hoàn thành 90% TKBVTC ĐD 500KV Sông Hậu – Đức Hòa.
- Hoàn thành 100 % TKBVTC TBA 500KV Đức Hòa
- Hoàn thành BCNCKT TBA 500kV Vĩnh Yên và đấu nối NPT đã thẩm định xong tháng 8/2019.
- Hoàn thiện BCNCKT TBA 500KV Thanh Hóa, NPT trình Cục ĐL&NLTT thẩm định ngày 11/06/2019.
- Hoàn thành 80% TKBVTC TBA 500KV Chơn Thành.

- Cải tạo nâng khả năng tải ĐD 220kV Xuân Lộc – Long Khánh – Long Thành đã hoàn thành BCNCKT (được phê duyệt ngày 11/12/2019).
- TBA 220kV Cam Ranh đã hoàn thành TKKT-TDT (được phê duyệt ngày 12/08/2019).
- TBA 220kV Châu Thành (Hậu Giang) và đấu nối đã hoàn thành TKKT-TDT (được phê duyệt ngày 30/09/2019).
- TBA 220kV Năm Căn và đường dây 220kV Năm Căn – Cà Mau đã hoàn thành BCNCKT (được phê duyệt ngày 02/08/2019).
- NCS TBA 220kV Bến Tre đã hoàn thành BCNCKT (được phê duyệt ngày 29/07/2019) và TKBVTC (Cục ĐL đã có thông báo thẩm tra ngày 13/12/2019).
- NCS TBA 220kV Bình Long đã hoàn thành BCNCKT (được phê duyệt ngày 29/07/2019) và TKBVTC (Cục ĐL&NLTT đã có thông báo thẩm tra 13/12/2019).
- Lắp đặt 2 ngăn lộ 500kV tại SPP 500kV TTĐL Sông Hậu đấu nối vào NMNĐ Sông Hậu 2 đã hoàn thành BCNCKT và trình Cục ĐL&NLTT tháng 08/2019.
- Hoàn thành TKKT-TDT, đang thực hiện TKBVTC dự án TBA 220KV Lao Bảo và ĐD 220kV Đông Hà-Lao Bảo được phê duyệt tháng 11/2019 và dự án đã khởi công ngày 29/12/2019.
- Đã thực hiện và trình duyệt BCNCKT ĐTXD các dự án: TBA 220kV Sầm Sơn và ĐD đấu nối 220kV Thanh Hóa – Sầm Sơn; ĐD 220kV Hải Châu – Ngũ Hành Sơn; ĐD 220kV Pleiku 2 – Krongbuk mạch 2; Lắp MBA 500kV- 900MVA thứ 2 và MBA 220kV-250MVA thứ 2 TBA 500kV Chơn Thành.
- Dự án Nâng cấp HT điều khiển bảo vệ các TBA 500kV, 220kV khu vực miền Trung, hoàn thành TKKT-TDT, NPT trình Cục ĐL &NLTT thẩm định ngày 26/9/2019.
- Cải tạo ĐD 110kV NĐ Phú Mỹ - Tân Thành thành đường dây 4 mạch hỗn hợp 220kV-110kV đã hoàn thành TKKT-TDT (được phê duyệt ngày 12/08/2019).
- Hoàn thành công tác tư vấn ĐTXD các giai đoạn cho hàng chục dự án đường dây và trạm 110kV.
- Hoàn thành công tác thẩm tra TKCS, BCNCKT, TKKT hàng chục các dự án lưới điện 500kV-220kV-110kV.

c. Các dự án tiêu biểu ký hợp đồng tư vấn năm 2019:

- TKKT ĐD 500kV Đức Hòa - Chơn Thành
- BCNCKT ĐD 500kV Turbin khí MT-Krông Búk và TBA 500kV Krông Buk
- BCNCKT ĐD 500kV Krông Búk – Tây Ninh 1
- TKKT TBA 500kV Long Thành

- BCNCKT TBA 500kV Hải Phòng và ĐD 500kV Hải Phòng-Thái Bình
- BCNCKT SPP 500kV Dung Quất
- BCNCKT-TKKT-BVTC TBA 500kV Nghi Sơn-900MVA
- TKKT NR TBA 220kV TSN
- TKKT TBA 220kV Tân Sơn Nhất
- BCNCKT TBA 220kV An Lão
- BCNCKT ĐD 220kV Hải Phòng-Gia Lộc

4.2.4. Năng lượng tái tạo:

a. Tình hình thực hiện các dự án:

- Ký hợp đồng và hoàn thành công tác lập TKKT dự án ĐMT Sao Mai (210MW): Trình BCT thẩm định TKKT ngày 30/06/2019.
- Ký hợp đồng và hoàn thành công tác lập BCNCKT dự án Nhà máy điện mặt trời Phước Thái 3 (48MW), nộp BCNCKT ngày 29/11/2019.
- Ký hợp đồng và hoàn thành công tác lập Báo cáo BSQH dự án Nhà máy điện mặt trời Chí Công-Phong Phú, nộp BCNCKT ngày 30/12/2019.
- Lập báo cáo bổ sung quy hoạch của dự án Điện mặt trời nổi Ái Tử (48MW) Báo cáo BSQH đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị trình Bộ Công Thương thẩm định và phê duyệt ngày 11/12/2019.
- Hoàn thành công tác Tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng EPC các dự án ĐMT: BMT (30MWp) đóng điện ngày 25/04/2019; Vĩnh Tân 2 (42,65MWp) đóng điện ngày 22/06/2019.
- Ký hợp đồng và hoàn thành công tác lập TKKT dự án Nhà máy điện gió Duyên Hải (48MW), nộp TKKT ngày 20/11/2019.
- Hoàn thành BCNCKT NM điện gió Hàn Quốc – Trà Vinh. Bộ Công Thương có thông báo kết quả thẩm định TKCS vào ngày 29/07/2019.
- Dự án điện gió BPP Vĩnh Châu – Giai đoạn 1 (30MW) đã hoàn thành và hiệu chỉnh xong BCNCKT theo thẩm tra của SCT Sóc Trăng vào ngày 9/9/2019 và tiếp tục ký kết hợp đồng để thực hiện BCNCKT Giai đoạn 2 của dự án.
- Hoàn thành xong BCNCKT NM điện gió Hiệp Thạnh (78MW). Bộ Công Thương có thông báo kết quả thẩm định TKCS vào ngày 18/06/2019.
- Hoàn thành xong BCNCKT NMĐ gió Hướng Phùng 1 (28MW). BCNCKT của dự án đã được Tổng Công ty Phát điện 2 phê duyệt vào ngày 28/02/2019.
- Tiếp tục thực hiện lập BCNCKT NMĐ GoldWind (vị trí số 18) – Giai đoạn 30 MW và hỗ trợ Chủ đầu tư thực hiện công tác lập Báo cáo bổ sung quy hoạch cho giai đoạn 2 của dự án.
- Đặc biệt, trong năm 2019, Công ty được vinh dự lựa chọn là tư vấn trong nước tham gia giai đoạn 1 600MW dự án điện gió Thăng Long 3400MW là DA ngoài khơi đầu tiên tại Việt Nam (ngoài khơi Mũi Kê Gà, tỉnh Bình

Thuận). Công tác đảm nhận bao gồm nghiên cứu đầu nối lưới điện quốc gia, lập báo cáo bổ sung quy hoạch, thu thập và phân tích số liệu đánh giá tiềm năng gió từ thiết bị đo gió Lidar đặt trên giàn khoan,...

- Công ty cũng được mời tham gia đóng góp ý kiến cho nhiều dự án của Bộ Công Thương bao gồm dự án quy hoạch tổng sơ đồ 8 (có tích hợp nguồn NLTT), nghiên cứu tích hợp nguồn NLTT khu vực Tây Nam Bộ, ĐMT áp mái, điện gió ngoài khơi... Ngoài ra, Công ty cũng đã cử nhiều lượt chuyên gia tham gia đóng góp tham luận cho nhiều Hội thảo, Hội nghị chuyên đề về NLTT tại Việt Nam và quốc tế.

b. Các dự án tiêu biểu ký HĐ năm 2019:

- Lập BC BSQH Nhà máy điện gió Thăng Long (Mũi Kê Gà) 3400MW.
- Lập BCNCKT Nhà máy điện gió Trung Nam (350MW) và NMD gió Bờ Ngong (350MW) tại tỉnh Gia Lai.
- Lập BCNCKT NMD gió Trung Nam-Trà Vinh-350MW.
- Lập TKKT Nhà máy điện gió Duyên Hải
- Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, Bản vẽ thiết kế thi công cho cụm dự án năng lượng tại Khu Công Nghiệp DeepC tại Hải Phòng.
- Lập Báo cáo BSQH NMD gió Phú Lạc GĐ2-26MW.
- Lập Báo cáo BSQH NMD mặt trời Chí Công-Phong Phú.

4.3 Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

5. Tình hình tài chính.

a) Tình hình tài chính.

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm/ %
<i>Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản	290.975	313.334	107,68%
Doanh thu thuần	380.265	387.783	101,98%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/	29.295	24.634	84,09%
Lợi nhuận khác	(10.603)	(1.622)	15,30%
Lợi nhuận trước thuế	18.692	23.012	123,11%
Lợi nhuận sau thuế	14.456	16.919	117,04%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,14	1,16	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho /</u> Nợ ngắn hạn	1,00	1,06	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,65	0,65	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,86	1,89	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	9,08	11,46	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,31	1,24	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3,80%	4,36%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	14,21%	15,60%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	4,97%	5,40%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	7,70%	6,35%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần 8.276.080 cổ phần trong đó có 14 cổ phiếu quỹ số còn lại là cổ phần được chuyển nhượng tự do

Danh sách người đại diện phần vốn của Tập đoàn điện lực Việt Nam

- Thái Tuấn Tài: 29.27%
- Tôn Thất Hùng: 19.51%

b- Cơ cấu cổ đông:

(Theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán ngày 30 tháng 05 năm 2019 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam)

- Vốn điều lệ công ty: 82.760.800.000 đồng
- Vốn nhà nước (EVN): 40.371.340.000 đồng
- Vốn cá nhân trong nước: 28.061.070.000 đồng
- Vốn tổ chức trong nước: 54.694.490.000 đồng
- Vốn nước ngoài (cá nhân)

Họ tên	Số ĐKNSH	Địa chỉ	Quốc tịch	Số lượng CP
Ishizuka Yosuke	IS 0617	Kanagawa-ken, Yokohama-shi, Kohoku-ku Hiyoshi-Hocho 6-31-2-103	Japan	280
Yamazaki Atsushi	IS 0469	Nomura house, 1 St Martin's -le - Grand, London EC1A 4NP	Japan	244

- Cổ đông lớn:
 - + Tập đoàn điện lực Việt Nam: 4.037.134 cổ phần (48,78%)
 - + Công ty cổ phần đầu tư Toàn Việt: 645.349 cổ phần (7,79%)
 - + Ông Trần Quốc Điền: 507.229 cổ phần (6,13%)

c- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Vốn đầu tư của chủ sở hữu không thay đổi: 82.760.800.000 đồng

d- Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có giao dịch.

e- Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động đến môi trường và xã hội:
a) Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 là công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực Tư vấn xây dựng các công trình điện. Các sản phẩm của Công ty

là các sản phẩm mang yếu tố trí tuệ cao trong đó tỷ lệ hàm lượng tiêu tốn nguyên vật liệu để sản xuất và đóng gói là rất nhỏ.

b) Tiêu thụ năng lượng:

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp: Nguồn năng lượng tiêu thụ trực tiếp của Công ty là điện năng với phụ tải chủ yếu là các thiết bị phục vụ cho công tác của Văn phòng như chiếu sáng, máy điều hòa không khí và các thiết bị văn phòng.

- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

- Công ty đã tiến hành lắp đặt đồng hồ đo đếm điện đến từng đơn vị sản xuất từ đó đã tăng cường công tác quản lý lượng điện năng tiêu thụ, góp phần quan trọng vào mục tiêu tiết kiệm điện năng tiêu thụ trong toàn Công ty.

c) Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty sử dụng nguồn nước được cung cấp từ Công ty cấp nước thành phố Hồ Chí Minh, lượng nước trung bình tiêu thụ hàng năm là khoảng 1.200 m³. Lượng nước này chủ yếu được sử dụng cho các nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của toàn bộ các nhân viên trong công ty.

- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Công ty không sử dụng nguồn nước cho mục tiêu sản xuất, lượng nước tiêu chủ yếu cho sinh hoạt do đó không có nước được tái sử dụng

d) Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Công ty đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định và pháp luật về bảo vệ môi trường, các đoàn kiểm tra của các cơ quan chức năng đều đánh giá cao ý thức chấp hành pháp luật và quy định về môi trường của Công ty.

- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không bị phạt

7. Chính sách liên quan đến người lao động.

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

- Số người lao động tính đến 31/12/2019: 481 người

- Mức lương trung bình của NLD năm 2019: 22.445.000đ/người

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

- Công ty đã xây dựng nội quy an toàn vệ sinh lao động, quy trình PCCN với đầy đủ các nội dung quy định và được treo tại các vị trí làm việc.
- Hàng năm, Công ty định kỳ mời các đơn vị có chức năng chuyên ngành đến đo đạc, giám sát điều kiện môi trường làm việc. Các thông số đo môi trường làm việc tại Công ty đều đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn, đảm bảo sức khỏe làm việc lâu dài cho NLĐ.
- Công ty đã trang bị tủ thuốc và dụng cụ cấp cứu, phác đồ cấp cứu đầy đủ tại nơi làm việc của NLĐ. Trang bị túi cấp cứu cho các đội công tác ở công trường. Mặc dù Công ty không thuộc đơn vị trực tiếp sản xuất nhưng cũng xây dựng phương án cấp cứu tại chỗ và tổ chức tập huấn cho tất các đối tượng có mặt tại trụ sở Công ty.
- Năm 2019 Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ 2 lần cho người lao động, tỷ lệ khám đạt 98%, tổng chi phí: 662.607.000 đồng.
- Đối với NLĐ mắc bệnh mãn tính, đơn vị đã thông báo tình trạng sức khỏe đến từng cá nhân và yêu cầu định kỳ phối hợp với y tế cơ quan trong việc theo dõi tình hình bệnh lý cũng như phương pháp điều trị nhằm ổn định bệnh và nâng cao sức khỏe của NLĐ.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Năm 2019, Công ty đặt trọng tâm đào tạo nâng cao năng lực quản trị cho cán bộ và đào tạo bổ sung kiến thức cho kỹ sư tư vấn, trong đó chú trọng nội dung đào tạo cho 4 lĩnh vực sản phẩm chủ lực là thiết kế trạm, năng lượng tái tạo, tư vấn môi trường và quản lý dự án.
- Thể hiện qua 70 chương trình gồm đào tạo kỹ năng, bổ sung kiến thức chuyên môn và quản lý. Tổng số lượt người được đào tạo là 2110 người. Chi tiết dưới đây:

TT	Chương trình, nội dung đào tạo	Số lượt người được đào tạo	Số giờ đào tạo bq/người (giờ)
I	Đào tạo thường xuyên (Các khóa kỹ năng dành cho nhân viên các phòng nghiệp vụ)	848	12
II	Đào tạo theo chuyên đề (Dành cho nhân viên trực tiếp và cán bộ quản lý)	636	18
1	Năng lượng tái tạo (dành cho nhân viên)	60	20
2	Điện (dành cho nhân viên)	232	20
3	Kỹ thuật xây dựng (dành cho nhân viên)	166	40
4	Đào tạo về Quản lý (dành cho CB quản lý và cán bộ điện quy hoạch)	168	40

Tổng cộng	2110
------------------	-------------

8. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động tham gia, quyên góp ủng hộ: Hưởng ứng kêu gọi của EVN đóng góp Quỹ Tương trợ xã hội để ủng hộ 01 huyện miền núi tỉnh Lai Châu, mỗi lao động của Công ty đã đóng góp 01 ngày lương.

Phát động trong toàn Công ty vận động NLD tự nguyện đóng góp “Vì người nghèo”: quyên góp được gần 49 triệu đồng.

Ủng hộ chương trình đi bộ “Vì nạn nhân chất độc màu da cam và người khuyết tật nghèo năm 2019” do Hội chữ Thập đỏ Tp.HCM phối hợp với Đài truyền hình VN và Công ty CP Phát triển Truyền thông Việt Nam tổ chức.

Hưởng ứng “Tuần Lễ Hồng EVN” do Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) phát động, Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 (PECC3) đã phát động chương trình hiến máu “Tuần lễ hồng EVN tại PECC3” với tinh thần “Một giọt máu cho đi, một cuộc đời ở lại”. Tổ chức 02 lần Hiến máu nhân đạo vào ngày 23/08/2019 và 27/12/2019. Tổng cộng có 80 lượt CB-CNVC đã tham gia hiến máu nhân đạo.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Năm 2019 là năm thứ hai Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 triển khai các nhiệm vụ chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty giai đoạn 2018 – 2022, từng bước hiện thực hóa mục tiêu đã đề ra.
- Bám sát vào các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm của ngành điện nói chung, của Công ty nói riêng, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 đã nỗ lực không ngừng nhằm đảm bảo hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh được nâng cao và phát triển bền vững.
- Thuận lợi:
 - + Tăng trưởng năng lượng các giai đoạn 2021-2025-2030 tiếp tục tăng mạnh, công suất hệ thống điện đến năm 2030 sẽ là 150.000MW so với CS đặt hiện tại là 49.000MW, đây là thách thức cho an ninh năng lượng Việt Nam nhưng cũng là cơ hội để triển khai nhiều dự án trong hiện tại và tương lai
 - + Công tác tìm việc làm năm 2019 có sự tiến triển, chủ động hơn năm 2018.
 - + Thương hiệu Công ty ngày càng được khẳng định trên thị trường nội địa lẫn quốc tế.
 - + Đội ngũ kỹ sư và chuyên gia giàu kinh nghiệm, nhiệt tình, làm việc trong các lĩnh vực tạo ra nhiều thế mạnh cho Công ty.

– **Khó khăn:**

- + Các khó khăn về kinh tế toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng đã làm ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty, nhiều dự án đang được tiến hành nhưng do thiếu vốn nên bị dừng lại hoặc giãn tiến độ đầu tư làm ảnh hưởng đến công tác khảo sát, thiết kế của Công ty.
- + Hiện nay Chính phủ tạm dừng chủ trương bảo lãnh vay vốn nên các nguồn vốn ODA vay ưu đãi cho các dự án điện rất hạn chế.
- + Một số địa phương không ủng hộ XD NĐ than theo TSD đã được TTg phê duyệt gây ảnh hưởng xấu đến việc đảm bảo cung cấp điện cho phát triển KTXH.
- + Sự cạnh tranh quyết liệt của nền kinh tế thị trường và của các công ty tư vấn trong ngành điện cũng là một thách thức to lớn đòi hỏi sự nỗ lực phấn đấu vươn lên của Lãnh đạo cũng như toàn thể NLD trong Công ty.
- + Công tác đấu thầu để tìm kiếm dự án phát triển điện ngày càng khó khăn.
- + Công tác nghiệm thu, thanh toán còn chậm.
- + Chảy máu chất xám.

2. Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2019:

Kế hoạch doanh thu năm 2019: 390 tỷ đồng (trước thuế)

Doanh thu thực hiện năm 2019: 392,06 tỷ đồng (trước thuế) đạt 100,53% kế hoạch năm 2019.

Trong đó:

TT	ĐƠN VỊ	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành	Tỷ trọng
1	CN Xí nghiệp KS&XD điện	78,00	93,746	120,19%	23,91%
2	CN miền Trung	38,00	41,450	109,08%	10,57%
3	TT Nhiệt điện và Năng lượng mới	62,00	54,467	87,85%	13,89%
4	P. Năng lượng tái tạo	14,00	11,654	83,24%	2,97%
5	P. Thiết kế Đường dây	35,00	48,838	139,54%	12,46%
6	P. Thiết kế Trạm	35,00	39,591	113,12%	10,10%
7	P. Thiết kế Thủy điện	25,00	10,324	41,30%	2,63%
8	Phòng Môi trường	13,00	7,984	61,42%	2,04%
9	P. Tư vấn Đền bù	4,00	3,857	96,43%	0,98%
10	P. Kế hoạch kinh doanh	3,00	2,498	83,27%	0,64%
11	Thuê ngoài	37,00	6,960	18,81%	1,78%
12	Khác	46,00	66,305	144,14%	16,91%
13	P. Nghiên cứu phát triển		0,109		0,03%
14	Doanh thu hoạt động tài chính		3,822		0,97%
15	Doanh thu khác		0,455		0,12%
	Tổng cộng	390,000	392,060	100,53%	100,00%

3. Kế hoạch đầu tư xây dựng và mua sắm tài sản:

- Mua sắm tài sản: 6,97 tỷ đồng, đạt 69,71% kế hoạch năm 2019
- Đầu tư góp vốn năm 2019: 258,42 triệu đồng đầu tư vào Công ty Sunpro.

4. Tình hình tài chính

Bảng cân đối kế toán:

Chỉ tiêu	Mã số	Số đầu năm	Số cuối năm	Chênh lệch so với năm trước
I Tài sản ngắn hạn	100-BCĐKT	216.578.960.513	236.791.822.472	20.212.861.959
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110-BCĐKT	86.295.430.029	93.001.091.226	6.705.661.197
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120-BCĐKT	220.790.000	220.790.000	-
3. Các khoản phải thu	130-BCĐKT	101.716.571.588	123.671.770.233	21.955.198.645
Trong đó: Nợ phải thu khó đòi		(12.458.331.505)	(14.861.725.486)	(2.403.393.981)
4. Hàng tồn kho	140-BCĐKT	28.114.557.220	19.733.301.032	(8.381.256.188)
5. Tài sản ngắn hạn khác	150-BCĐKT	231.611.676	164.869.981	(66.741.695)
II Tài sản dài hạn	200-BCĐKT	74.396.854.065	76.542.595.773	2.145.741.708
1. Các khoản phải thu dài hạn	210-BCĐKT	2.299.122.757	153.000.000	(2.146.122.757)
2. Tài sản cố định:	220-BCĐKT	29.245.706.076	31.312.151.863	2.066.445.787
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	221-BCĐKT	18.454.145.421	19.470.573.019	1.016.427.598
<i>Tài sản cố định thuê tài chính</i>	224-BCĐKT			
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	227-BCĐKT	10.791.560.655	11.841.578.844	1.050.018.189
3. Bất động sản đầu tư	230-BCĐKT			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240-BCĐKT			
5. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250-BCĐKT	19.105.432.000	18.985.855.750	(119.576.250)
6. Tài sản dài hạn khác	260-BCĐKT	2.777.140.232	2.816.988.675	39.848.443
III. Nợ phải trả	300-BCĐKT	189.220.037.875	204.881.794.569	15.661.756.694
1. Nợ ngắn hạn	310-BCĐKT	189.220.037.875	204.881.794.569	15.661.756.694
Trong đó : Nợ quá hạn				
2. Nợ dài hạn	320-BCĐKT			
IV. Nguồn vốn chủ sở hữu	400-BCĐKT	101.755.776.703	108.452.623.676	6.696.846.973
1. Vốn của chủ sở hữu	410-BCĐKT	101.755.776.703	108.452.623.676	6.696.846.973
<i>Trong đó: vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	411-BCĐKT	82.760.800.000	82.760.800.000	-
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430-BCĐKT	0	0	

a) Tình hình tài sản

Tài sản của Công ty biến động tăng 7,06% so với năm trước chủ yếu là khoản phải thu ngắn hạn năm nay tăng so với năm trước. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm nay tăng so với năm trước do hiệu quả sử dụng tài sản năm nay tốt hơn.

b) Tình hình nợ phải trả

Nợ phải trả tăng chủ yếu là khoảng lương phải trả người lao động và tiền thuế phải trả phát sinh cuối năm 2019. Các khoản nợ này được Công ty thanh toán đầu năm 2020.

5. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

5.1. Tổ chức quản lý theo mục tiêu:

Chiến lược Công ty giai đoạn 2018 – 2022 đã được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt, trên cơ sở đó Ban Tổng Giám đốc đã cho triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm thực hiện các mục tiêu chiến lược đã đề ra. Cụ thể, ngay từ đầu năm, Công ty đã thiết lập hệ thống KPIs các cấp nhằm triển khai và kiểm soát đồng bộ, xuyên suốt các mục tiêu Công ty, từ đó giúp các cấp quản lý xây dựng các kế hoạch, biện pháp thực hiện kịp thời để đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất năm 2018;

Kết hợp cùng hệ thống giao việc và đánh giá hiệu quả công việc là chính sách thưởng/phạt tiền lương áp dụng đối với cấp Trưởng phòng, Ban Giám đốc Chi nhánh, Trung tâm... với các tiêu chí cụ thể, rõ ràng... đã trở thành công cụ hữu ích để khuyến khích các cấp quản lý tổ chức điều hành hoạt động của đơn vị ngày một hiệu quả, giúp năng suất lao động bình quân năm 2018 tăng 12,3% so với cùng kỳ năm 2017, thu nhập của người lao động từ đó cũng tăng 12,12%;

Đối với cá nhân, năm 2018 Công ty tiếp tục áp dụng mô hình nêu gương điển hình xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh: định kỳ hàng quý lựa chọn các gương điển hình xuất sắc nhất trong số các tập thể xuất sắc của Công ty lên bảng danh dự, website Công ty và có chế độ thưởng xứng đáng đối với các cá nhân này. Đặc biệt năm 2018, Công ty tập trung vào chính sách khuyến khích kịp thời cán bộ, người lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, tay nghề giỏi, người có nhiều đóng góp sáng kiến cải tiến trong công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh, có thành tích vượt trội. Thông qua các hoạt động này, đã tác động tích cực đến toàn thể người lao động, qua đó mọi thành viên đều luôn nỗ lực hết mình để hoàn thành nhiệm vụ được giao, góp phần hoàn thành mục tiêu chung của Công ty.

Bên cạnh đó, Công ty đã rà soát, hiệu chỉnh các quy chế quy định liên quan đến công tác quản lý doanh nghiệp, đảm bảo mọi hoạt động của Công ty thực hiện theo đúng các văn bản hiện hành của cấp trên và phù hợp với công cụ quản lý, đáp ứng kỳ vọng của Công ty.

5.2. Công tác nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:

Với mục tiêu trọng tâm của Tập đoàn năm 2018: “Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực”, đối với đơn vị tư vấn nói chung, EVNPECC3 nói riêng, thì đây là mục tiêu, định hướng phát triển lâu dài, xuyên suốt mọi giai đoạn để đảm bảo



nâng cao năng lực tư vấn, trở thành nhà cung cấp dịch vụ tư vấn xây dựng chuyên nghiệp hàng đầu Việt Nam và khu vực.

Nhằm đáp ứng được mục tiêu trên, năm 2018 Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 thực hiện hàng loạt các hoạt động để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cụ thể như:

- *Hoạt động nhằm tăng cường năng lực lãnh đạo và quản lý:* Công ty đã xây dựng bảng chuẩn năng lực và kế hoạch phát triển đội ngũ quản lý cấp trung, cấp cao để đảm bảo có kiến thức về quản lý và áp dụng các công cụ quản lý bài bản. Trên cơ sở khung năng lực và từ điển năng lực, tổ chức đánh giá và sử dụng kết quả đánh giá để làm cơ sở cho việc đào tạo. Năm 2018 đã thực hiện một loạt các chương trình đào tạo nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ quản lý như: Lãnh đạo kiến tạo; Lãnh đạo kế nghiệp; Kỹ năng quản lý...

- *Xây dựng hệ thống quản trị tri thức:* Hệ thống quản trị tri thức đã được Công ty xây dựng và khai thác hiệu quả bởi Quy định quản lý chương trình quản trị tri thức (QĐ-IT-10) ban hành tháng 3/2018. Quy định được xây dựng nhằm xác lập cơ chế cập nhật thông tin, chia sẻ các tài liệu đào tạo, kỹ thuật, tài liệu thiết kế... nhằm lưu trữ thông tin, tài liệu và cung cấp, chia sẻ tri thức để mọi người có thể học hỏi và nâng cao kiến thức chuyên môn, góp phần phát triển và nâng cao giá trị cho Công ty. Hỗ trợ cho hoạt động quản trị tri thức là các phần mềm Quản lý dự án (PMS); Thư viện điện tử; Quản trị tri thức; Đào tạo trực tuyến (Elearning) ...,

- *Xây dựng lộ trình phát triển nghề nghiệp:* Công ty tiếp tục duy trì và thúc đẩy hiệu quả hoạt động xây dựng lộ trình phát triển nghề nghiệp cho NLD nhằm tạo đội ngũ nhân lực chất lượng, có đủ năng lực đảm nhận vị trí cao hơn trong tương lai, sẵn sàng đáp ứng mọi nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty...

Hỗ trợ công tác trên là bộ tài liệu về “Từ điển năng lực”, “Khung năng lực” cho các vị trí chức danh, dựa trên các tài liệu này, Công ty tổ chức rà soát và đánh giá định kỳ, sử dụng kết quả đánh giá kết hợp cùng kết quả đánh giá mức độ hoàn thành công việc của NLD làm định hướng công tác đào tạo, giúp NLD nhận biết mình đang đứng vị trí nào trong lộ trình phát triển nghề nghiệp của bản thân, từ đó chủ động có giải pháp nâng cao năng lực cho chính mình.

- *Công tác đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:* Đào tạo nâng cao năng lực cho NLD là công việc thường xuyên, liên tục của Công ty xuyên suốt trong nhiều năm qua và đặc biệt trong năm 2018.

Năm 2018, Công ty tiếp tục đưa vào triển khai học hỏi và phát triển các mục tiêu chính về phát triển năng lực đội ngũ, đặc biệt chú trọng đào tạo các năng lực cốt lõi, kỹ năng mềm cho NLD... Bên cạnh đó, Công ty đã trang bị phần mềm học trực tuyến - Elearning và các khóa học trực tuyến nhằm giúp NLD có thể dễ dàng tham gia học tập mọi lúc, mọi nơi. Kể từ đầu năm đến hết tháng 10/2018, Công ty đã thực hiện được 106 chương trình đào tạo, cho 1.645 lượt người, riêng các chương trình đào tạo trực tuyến đã thu hút được 298 lượt người tham gia và hoàn thành các khóa học;

5.3. Công tác nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến cải tiến:

Tiếp nối thành công từ mục tiêu: “Đẩy mạnh Khoa học Công nghệ” năm 2017 của Tập đoàn nói chung và của EVNPECC3 nói riêng, năm 2018 EVNPECC3 vẫn tiếp tục duy trì các hoạt động nhằm mang lại hiệu quả cao trong công tác quản lý cũng như mang đến sự hài lòng cho khách hàng.

Song song với việc ứng dụng và khai thác hiệu quả các phần mềm trong công tác quản lý và sản xuất, Công ty luôn chú trọng, tạo điều kiện và khuyến khích các cá nhân tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến cải tiến và ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, góp phần nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm dịch vụ tư vấn. Cụ thể trong năm 2018, Công ty hoàn thành và phát triển được 8 đề tài nghiên cứu khoa học, trên 20 sáng kiến cải tiến kỹ thuật được áp dụng vào quá trình sản xuất.

5.4. *Thực thi văn hóa doanh nghiệp và Quy tắc ứng xử:*

Trong chiến lược phát triển Công ty giai đoạn 2018 – 2022 đã nhận định, điều quan trọng nhất cho thực hiện thành công chiến lược chính là vai trò của người lãnh đạo cao nhất và Văn hóa Công ty. Với nhận định này, cùng với kết quả của chuỗi các hoạt động xây dựng niềm tin được thực hiện năm 2017, Công ty đã hiệu chỉnh và ban hành tài liệu Văn hóa doanh nghiệp mới, truyền thông sâu rộng đến NLD, đồng thời tổ chức khảo sát, thăm dò ý kiến NLD về bộ tài liệu mới này...., Bộ tài liệu VHDN hiệu chỉnh đã thể hiện sự quyết tâm của đội ngũ lãnh đạo Công ty và toàn thể NLD về xây dựng hình ảnh nhà tư vấn chuyên nghiệp hàng đầu Việt Nam và khu vực.

5.5. *Cải tiến hệ thống Quy chế, Quy trình, Quy định trong công tác quản lý:*

Công tác cải cách thủ tục hành chính của Công ty diễn ra phù hợp với xu thế chung của ngành, như: áp dụng chữ ký số; gửi các số liệu, các báo cáo...cho các bên liên quan bằng file; xử lý công việc qua email và các công cụ hỗ trợ của hệ thống mạng xã hội hiện đại...

Hệ thống các Quy chế, Quy trình, Quy định... hiện hành của Công ty đảm bảo sự phù hợp và nhất quán, liên tục cải tiến để phù hợp với mục tiêu quản lý, sản xuất và phát triển Công ty. Hiện tại Công ty đang duy trì và áp dụng 02 hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO, bao gồm tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và ISO 27001:2013.

5.6. *Về công tác đổi mới, sắp xếp lại doanh nghiệp:*

EVN đang thực hiện các thủ tục thoái vốn tại EVNPECC3, về phía Công ty một mặt luôn phối hợp để đảm bảo công tác thoái vốn được thực hiện đúng tiến độ và yêu cầu, mặt khác Công ty cũng chủ động tổ chức, sắp xếp, đề ra các kế hoạch hoạt động để đảm bảo hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của năm.

Đối với các chính sách liên quan tới người lao động, Công ty luôn thực hiện tốt các chính sách chăm lo đến đời sống và lợi ích cho NLD cao hơn Luật định, như chính sách đào tạo, chính sách thu nhập, chính sách bảo hiểm, chế độ nghỉ mát, chế độ khám sức khỏe định kỳ, chế độ nghỉ dưỡng...

6. Kế hoạch phát triển trong tương lai

6.1. Mục tiêu năm 2020:

- Doanh thu tự làm đạt 430 tỷ, lợi nhuận trước thuế 22 tỷ.
- Xác định và quản lý các khách hàng tiềm năng; Gia tăng sự hiện diện của thương hiệu PECC3.
- Hoàn thành quy trình thực hiện dịch vụ mà PECC3 cung cấp; Đánh giá cơ hội ở thị trường Công nghiệp và Cơ sở hạ tầng.
- Đào tạo kỹ năng cho các nguồn lực nội bộ; Xây dựng văn hóa đáng tin trong phạm vi cá nhân, đội nhóm, phòng ban và Công ty.

6.2. Định hướng kế hoạch doanh thu năm 2020:

- Tập dụng cơ hội xu hướng đầu tư tư nhân vào lĩnh vực năng lượng tăng cao, đẩy mạnh tăng trưởng doanh thu đối với những khách hàng tư nhân để từng bước giảm sự phụ thuộc quá lớn vào doanh thu từ Nhà nước. Duy trì tỷ lệ tăng trưởng doanh thu từ khách hàng Nhà nước, đẩy mạnh tăng trưởng doanh thu từ Tư nhân.
- Xúc tiến các hợp đồng tiềm năng với Khách hàng Tư nhân hiện có, đồng thời quảng bá, tìm kiếm, tiếp cận và quản lý mối quan hệ với các Khách hàng tư nhân tiềm năng.
- Quản lý hiệu quả chi phí mang lại sự gia tăng lợi nhuận cho Công ty cũng như thúc đẩy sự đầu tư vào các hoạt động mang lại giá trị cao. Tỷ lệ lợi nhuận/doanh thu $\geq 5\%$.
- Xác định và quản lý danh sách các Khách hàng tư nhân tiềm năng (có thể mang lại doanh thu). Đồng thời, quản lý các mối quan hệ với các cá nhân, cơ quan có ảnh hưởng đến việc ra quyết định của Khách hàng tiềm năng trong việc lựa chọn tư vấn.
- Gia tăng sự hiện diện của thương hiệu PECC3 đến các khách hàng tiềm năng và các bên liên quan.
- Việc nâng cao chất lượng sẽ giúp PECC3 phát triển bền vững năng lực cốt lõi của Công ty.
- Tiến hành việc đánh giá cơ hội ở thị trường công nghiệp và cơ sở hạ tầng. Đưa ra danh mục nghiên cứu và phát triển sản phẩm, đưa ra kế hoạch tiếp cận khách hàng và bán sản phẩm, đưa ra kế hoạch rút lui khỏi thị trường nếu không khả thi.
- Xây dựng kế hoạch đào tạo để phát triển năng lực của các nhân lực chủ chốt, tập trung vào các Chủ nhiệm dự án, Nhân viên kinh doanh, Nhân viên tiếp thị và Nhân viên Chăm sóc khách hàng.
- Việc xây dựng văn hóa đáng tin trong phạm vi cá nhân, đội nhóm, phòng ban và Công ty sẽ mang lại sự hài lòng, gắn kết của nhân viên cũng như ảnh hưởng mạnh mẽ đến việc xây dựng thương hiệu uy tín.

6.3. Các giải pháp thực hiện

6.3.1. Doanh thu đạt 430 tỷ, lợi nhuận đạt 22 tỷ:

- Xúc tiến các hợp đồng tiềm năng với Khách hàng Tư nhân hiện có, đồng thời quảng bá, tìm kiếm, tiếp cận và quản lý mối quan hệ với các Khách hàng tư nhân tiềm năng.
 - Tăng cường công tác quan hệ khách hàng, tìm kiếm và phân tích thông tin để tiếp cận được nhiều khách hàng, chào hàng và xúc tiến hợp đồng tư vấn. Đẩy mạnh các hoạt động marketing phù hợp và linh hoạt theo định hướng khách hàng.
 - Xây dựng hệ thống CTRs cho các hoạt động của các đơn vị: KHKD, Nhân sự, Tài chính kế toán, Văn phòng, Quản lý chất lượng và các đơn vị hỗ trợ của các Chi nhánh, Trung tâm (2020).
 - Xây dựng quy trình thuê và quản lý chuyên gia nước ngoài thực hiện các dự án điện tại Việt Nam do Công ty ký kết với các khách hàng.
 - Thu thập và phân tích thông tin tài chính, dự đoán nhu cầu và đưa ra các giải pháp tối ưu liên quan đến mục tiêu kinh doanh, đảm bảo sự tăng trưởng và phát triển, tối đa hóa doanh thu, tối đa hóa lợi nhuận và đảm bảo lợi ích hài hòa cho cổ đông và người lao động.
- 6.3.2. Xác định và quản lý các khách hàng tiềm năng; Gia tăng sự hiện diện của thương hiệu PECC3.**
- Chăm sóc khách hàng và tìm hiểu để khách hàng đánh giá các sản phẩm tốt nhất của PECC3.
 - Rà soát và thiết kế lại bộ nhận diện thương hiệu hiện có, kết nối với các nhà tổ chức sự kiện, lên kế hoạch tham gia trình bày của các kỹ sư/chuyên gia. Lập danh sách các Nhà đầu tư tư nhân các dự án Nguồn điện tại Việt Nam và lên kế hoạch gặp gỡ và giới thiệu.
- 6.3.3. Hoàn thành quy trình thực hiện dịch vụ mà PECC3 cung cấp; Đánh giá cơ hội ở thị trường Công nghiệp và Cơ sở hạ tầng:**
- Hoàn thành quy trình thực hiện dịch vụ (quy trình sản xuất) cho tất cả các dịch vụ mà PECC3 cung cấp.
 - Hoàn thành quy trình tiếp nhận phản hồi của các bộ phận: Thực hiện dịch vụ, Tiếp thị và Bán hàng từ bộ phận Chăm sóc Khách hàng.
 - Xây dựng quy trình và đào tạo đội ngũ Chăm sóc Khách hàng.
 - Thực hiện tốt công tác truyền thông đến toàn thể CBCNV về các mục tiêu nhiệm vụ kế hoạch sản xuất năm 2020.
- 6.3.4. Đào tạo kỹ năng cho các nguồn lực nội bộ, Xây dựng văn hóa đáng tin trong phạm vi cá nhân, đội nhóm, phòng ban và Công ty:**
- Xây dựng niềm tin trong tổ chức, nâng cao tinh thần trách nhiệm, không đổ lỗi, chủ động trong công việc, hợp tác tốt giữa các cá nhân và đơn vị trên tinh thần chính trực, tin cậy, chuyên nghiệp, sáng tạo, hiệu quả, học hỏi phát triển, đoàn kết hợp tác và thân thiện.

- Phối hợp với Tư vấn nhân sự, rà soát lại khung năng lực của các vị trí theo Từ điển năng lực, đưa ra và thực hiện kế hoạch đào tạo về kiến thức và kỹ năng đồng thời, áp dụng trực tiếp vào các dự án đang thực hiện.
- Đẩy mạnh và thường xuyên đào tạo về văn hóa doanh nghiệp, đưa những tấm gương điển hình tiên tiến cụ thể để xúc tiến phát triển văn hóa hợp tác tạo sức mạnh.
- Đây là mục tiêu hàng đầu của Công ty nhằm thực hiện thành công các chỉ tiêu kế hoạch trong sản xuất kinh doanh. Các công việc cụ thể như sau:

7. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có):

Công ty kiểm toán đã chấp thuận toàn phần đối với báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty.

8. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải):

Công ty đã có những chỉ đạo và quyết sách phù hợp, đáp ứng tốt các quy định của pháp luật và trách nhiệm của doanh nghiệp đối với môi trường, xã hội.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Hàng quý công ty đều có tổ chức các cuộc họp đối thoại với người lao động, hàng năm công ty tổ chức hội nghị người lao động để từ đó lắng nghe và giải quyết các yêu cầu và kiến nghị chính đáng của người lao động. Công ty cũng đã luôn có những cải tiến về chính sách tiền lương, các quy định về phúc lợi xã hội nhằm đáp ứng cao nhất đời sống vật chất, tinh thần cho Người lao động.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Công ty đã hoàn thành tốt các nghĩa vụ đối với địa phương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Năm 2015 Công ty đã được nhận bằng khen của quận đội quận 3 thành phố Hồ Chí Minh vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác an ninh quốc phòng.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2019 là năm hoạt động thứ 11 của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 với những điều kiện thuận lợi và khó khăn như sau:

d) Thuận lợi:

- Năm 2019 là năm Công ty kế thừa những thành công của năm 2018, nên đã tạo điều kiện thuận lợi cho những hoạt động sản xuất và kinh doanh cũng như tinh thần lao động của toàn thể người lao động trong Công ty.
- Ban điều hành luôn đoàn kết, có đủ năng lực, tinh thần trách nhiệm cao, luôn hết lòng vì quyền lợi của Công ty. Đồng thời Công ty có đội ngũ cán bộ, kỹ sư giàu kinh nghiệm và nhiệt tình công tác, nhờ đó đã tạo nên động lực quan trọng góp phần tích cực vào việc hoàn thành vượt mức KH năm 2019.

e) Khó khăn:

- Các khó khăn về kinh tế toàn cầu nói chung và Việt nam nói riêng đã làm ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty, nhiều dự án đang được tiến hành nhưng do thiếu vốn nên bị dừng lại hoặc giảm tiến độ đầu tư làm ảnh hưởng đến công tác khảo sát, thiết kế của Công ty..
- Sự cạnh tranh quyết liệt của nền kinh tế thị trường và của các công ty tư vấn trong ngành điện cũng là một thách thức to lớn đòi hỏi sự nỗ lực phấn đấu vươn lên của Lãnh đạo cũng như toàn thể NLD trong công ty.

Với những thuận lợi và khó khăn nêu trên, HĐQT đã lãnh đạo Công ty tận dụng mọi cơ hội để tìm kiếm việc làm đồng thời phấn đấu vượt qua mọi thử thách để thực hiện thành công KHSX và KHTC đã được ĐHĐCĐ năm 2018 thông qua.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty:

- a) Đặc điểm của Ban điều hành Công ty là tất cả các thành viên trong Ban điều hành đều năng động, giỏi chuyên môn, nhiệt tình trong công việc, không ngại khó, dám nghĩ dám làm, và đặc biệt là đoàn kết nội bộ cao đã là nền tảng của mọi thành công của Công ty trong năm 2019.
- b) Ban điều hành đã duy trì các cuộc họp tiến độ với nội dung đi vào chiều sâu, vào chất lượng và tiến độ của từng dự án nên đã đáp ứng được các yêu cầu của khách hàng từ đó góp phần quan trọng vào việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- a) Kế hoạch công tác:

HĐQT chỉ đạo và phối hợp với Ban điều hành Công ty để thực hiện thành công kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính, với các chỉ tiêu mà ĐHCĐ sẽ thông qua trong kỳ Đại hội dự kiến sẽ được tổ chức vào cuối tháng 3 năm 2020.

b) Các hoạt động khác:

- Giải quyết và ban hành kịp thời các chính sách, quy định trong các lĩnh vực mới phát sinh nhằm đáp ứng tốt công tác quản lý của Công ty.

c) Biện pháp thực hiện:

- Duy trì các hoạt động của HĐQT và phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành trong việc quản lý Công ty.
- Hỗ trợ Ban điều hành trong công tác điều hành cũng như tìm kiếm thêm việc làm cho công ty bằng cách ban hành kịp thời các quy chế, quy định về quản lý để áp dụng trong Công ty
- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra và nhắc nhở Ban điều hành để công tác quản lý đạt hiệu quả cao nhất.

V. Quản trị công ty .

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

- Ông Thái Tuấn Tài - Chủ tịch HĐQT

Sinh ngày: 11 tháng 5 năm 1962;

Nơi sinh: 870 Trần Hưng Đạo, Quận 5, TP Hồ Chí Minh;

Học vị: Kỹ sư - Thạc sĩ Kỹ thuật; chuyên ngành điện.

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1987: Tốt nghiệp Kỹ sư điện, chuyên ngành Điện khí hóa và Tự động hóa khai thác mỏ tại trường Đại học Mỏ Mátxcova.

Năm 2004: Tốt nghiệp Thạc sĩ kỹ thuật, chuyên ngành Hệ thống Điện tại trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2012: Tốt nghiệp Cao cấp chính trị - Học viện chính trị, hành chính tại thành phố HCM.

Quá trình công tác: 30 năm công tác trong ngành điện:

Từ 2009 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2007 đến 2008: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2003 đến 12/2007: Phó Giám đốc Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 1999 đến 4/2003: Trưởng phòng Thiết kế trạm Công ty Tư vấn XD điện 3;

Từ 1997 đến 1999: Phó Trưởng phòng Thiết kế điện Trung tâm Năng lượng;

Từ 1988 đến 1997: Nhân viên Thiết kế điện Trung tâm Năng lượng;

- Ông Tôn Thất Hùng: Ủy viên HĐQT

Sinh ngày: 11 tháng 5 năm 1961;

Nơi sinh: Nha Trang, Khánh Hòa;

Học vị: Kỹ sư - Thạc sĩ Kỹ thuật chuyên ngành hệ thống điện.

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1983: Tốt nghiệp Kỹ sư Điện - Đại học Bách khoa Đà Nẵng;

Năm 2004: Tốt nghiệp Thạc sĩ kỹ thuật, chuyên ngành Hệ thống Điện tại trường Đại học Đà Nẵng.

Năm 2008: Tốt nghiệp Cao học Quản trị kinh doanh tại Đại học Bách khoa Hà Nội

Năm 2012: Tốt nghiệp Cao cấp chính trị - Học viện chính trị, hành chính tại thành phố HCM

Quá trình công tác: 33 năm công tác trong ngành điện:

Từ 2008 đến nay: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2007 đến 2008: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tư vấn XD điện 3;

Từ 3/1999 đến 12/2007: Trưởng đoàn Tư vấn khảo sát thiết kế miền Trung Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 1992 đến 3/1999: Phó Trưởng phòng Thiết kế trạm Phân viện Thiết kế điện Nha Trang;

Từ 1983 đến 1992: Nhân viên phòng Thiết kế trạm Phân viện Thiết kế điện Nha Trang;

- Ông Nguyễn Phú Gia: Ủy viên HĐQT

Sinh ngày: 20 tháng 02 năm 1955;

Nơi sinh: Hà Nội;

Học vị: Tiến sỹ - Nhiệt lò hơi.

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1979: Tốt nghiệp Kỹ ngành máy và kỹ thuật điện đại học luyện kim Tiệp Khắc;

Năm 1983: Tốt nghiệp Tiến sĩ ngành thiết bị năng lượng tại Tiệp Khắc .

Năm 1983-1988: Trung tâm thí nghiệm điện Hà Nội;

Quá trình công tác:

Từ 2015 đến nay: Cán bộ hưu trí, Ủy viên HĐQT, Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2002 - 2015 : Phó Ban thẩm định Tập đoàn - EVN;

Từ 1997- 2002 : Ban thẩm định Tập đoàn - EVN;

Từ 1996 đến 1997: Phó phòng nhiệt điện - Viện Năng lượng;

Từ 1988 đến 1996: phòng nhiệt điện - Viện Năng lượng;

Từ 1983 đến 1988: Trung tâm thí nghiệm điện Hà Nội.

- **Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn: Ủy viên HĐQT**

Sinh ngày: 18 tháng 10 năm 1973;

Nơi sinh: Đà Nẵng;

Học vị: Thạc sỹ Hệ thống điện

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Quá trình công tác:

Từ 01/2015 đến nay: Giám đốc Trung tâm Nhiệt điện và điện hạt nhân – Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3

Từ 08/2014 – 12/2014 : Phó Giám đốc Trung tâm Nhiệt điện và điện hạt nhân – Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3

Từ 07/2013 – 07/2014 : Trưởng phòng Nhiệt điện và điện hạt nhân – Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3.

Từ 02/2009 – 06/2013 : Trưởng phòng Dự án nguồn – Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3.

Từ 11/2006 – 01/2009 : Phó Trưởng phòng Dự án nguồn – Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3.

Từ 04/2002 – 11/2006 : Kỹ sư phòng Dự án nguồn – Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.

Từ 01/2000 – 03/2002 : Kỹ sư phòng Dự án lưới – Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.

Từ 07/1996 – 12/1999 : Kỹ sư phòng Hợp tác quốc tế – Công ty Điện lực thành phố Hồ Chí Minh.

- Danh sách và cổ phần của các thành viên HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu	Số cổ phiếu đại diện
1	Thái Tuấn Tài	CT. HĐQT	48.176	2.422.128 (29,27% vốn điều lệ) Đại diện phần vốn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)
2	Tôn Thất Hùng	UV. HĐQT	21.573	1.859.654 (19,51% vốn điều lệ) Đại diện phần vốn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)
3	Nguyễn Phú Gia	UV. HĐQT	16.347	0
4	Nguyễn Như Hoàng Tuấn	UV. HĐQT	4.503	0

- Ông Nguyễn Phú Gia: Được các cổ đông bầu vào hội đồng quản trị trong kỳ đại hội ngày 27 tháng 4 năm 2012. Ông Nguyễn Phú Gia được đào tạo tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Tiệp khắc với bằng tốt nghiệp là Tiến sỹ về ngành nhiệt cơ học. Hiện nay ông Nguyễn Phú Gia là cán bộ hưu trí và ông luôn tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và các công tác giám sát, kiểm tra của Hội đồng quản trị đối với ban điều hành của Công ty.
- Ô Nguyễn Văn Long, Chánh Văn Phòng Công ty được Hội đồng quản trị bầu làm kiêm nhiệm chức vụ Người phụ trách quản trị Công ty và Thư ký Công ty, đồng thời được ủy quyền là người công bố thông tin.

+ ĐT: 0963 911 865

+ Email: longnv@pecc3.com.vn

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có các tiểu ban thuộc HĐQT.

c) Hoạt động giám sát của HĐQT đối với ban Tổng Giám đốc

Mỗi hai tuần một lần đại diện của HĐQT đều tham dự cuộc họp giao ban sản xuất do Tổng Giám đốc chủ trì với sự tham dự của các trưởng đơn vị và Giám đốc các Chi nhánh. Trong suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, các thành viên Hội đồng quản trị đều quan tâm và có các hoạt động kiểm tra, giám sát, đặc biệt đối với các dự án lớn hoặc có tiến độ thực hiện khẩn trương.

d) Tỷ lệ tham dự các cuộc họp của các TV HĐQT:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là TV.HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Thái Tuấn Tài	Chủ tịch HĐQT	Là Ủy viên HĐQT từ ngày 27/04/2012	08	100%	
2	Ông Tôn Thất Hùng	Ủy viên HĐQT	Là Ủy viên HĐQT từ ngày 27/04/2012	08	100%	
3	Ông Nguyễn Phú Gia	Ủy viên HĐQT	Là Ủy viên HĐQT từ ngày 27/04/2012	08	100%	
4	Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn	Ủy viên HĐQT	Là Ủy viên HĐQT từ 21/04/2017	08	100%	

e) Các nghị quyết của Hội đồng quản trị:

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung chủ yếu
1	0005/NQ-HĐQT (Họp HĐQT thường kỳ quý I năm 2019)	02/01/2019	<p>Điều 1. Kết quả SXKD năm 2018: Thống nhất như báo cáo của Công ty, Hội đồng quản trị sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua sau khi có báo cáo kiểm toán.</p> <p>Điều 2. Kế hoạch SXKD năm 2019: Hội đồng quản trị sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>Điều 3. Thông qua đơn giá tiền lương năm 2019</p> <p>Điều 4. Thông qua kế hoạch tổ chức họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.</p> <p>Điều 5. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ban hành. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Giám đốc các Chi nhánh và các đơn vị trực thuộc Công ty có trách nhiệm thi hành nghị quyết này./.</p>
2	0016/NQ-HĐQT (Họp HĐQT bất thường)	30/01/2019	<p>Điều 1. Tái bổ nhiệm ông ông Huỳnh Nguyễn Anh Tuấn tiếp tục giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh miền Trung từ ngày 01 tháng 02 năm 2019 và ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị ký quyết định bổ nhiệm.</p> <p>Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày</p>



			ban hành. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Giám đốc Chi nhánh miền Trung, và các Đơn vị trực thuộc Công ty có trách nhiệm thi hành nghị quyết này./.
3	0056/NQ-HĐQT (Họp HĐQT thường kỳ quý 2)	28/03/2019	<p>Điều 1. Thống nhất thông qua quỹ tiền lương năm 2018.</p> <p>Điều 2. Thống nhất thông qua việc chi thưởng khuyến khích cho Tổng Giám đốc.</p> <p>Điều 3. Thống nhất thông qua chương trình của ĐHCĐ năm 2019.</p> <p>Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ban hành. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Giám đốc các Chi nhánh, và các Đơn vị trực thuộc Công ty có trách nhiệm thi hành nghị quyết này./.</p>
4	0086/NQ-HĐQT (Họp HĐQT bất thường, lấy ý kiến bằng văn bản)	16/04/2019	<p>Điều 1. Tiếp tục đề cử ông Tôn Thất Hùng đại diện phần vốn góp của PECC3 tại Công ty CP Phong điện Thuận Bình tham gia ứng cử thành viên HĐQT và ông Phạm Hoàng Vinh tham gia ứng cử thành viên BKS Công ty CP Phong điện Thuận Bình nhiệm kỳ 2019- 2023.</p> <p>Điều 2. Thống nhất việc góp vốn đợt 1 năm 2019 vào Công ty TNHH Điện gió SUNPRO – BẾN TRE SỐ 8.</p> <p>Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ban hành. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Giám đốc các Chi nhánh và các đơn vị trực thuộc Công ty có trách nhiệm thi hành nghị quyết này./.</p>
5	0106/NQ-HĐQT (Họp HĐQT bất thường)	15/05/2019	<p>Điều 1. Chọn Công ty TNHH kiểm toán Deloitte Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 cho Công ty. Giao cho Tổng Giám đốc đàm phán và ký hợp đồng với Công ty TNHH kiểm toán Deloitte Việt Nam.</p> <p>Điều 2. Tái bổ nhiệm ông Trần Lê Minh tiếp tục giữ chức Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3. Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT ra quyết định tái bổ nhiệm ông Trần Lê Minh.</p> <p>Điều 3. Bổ nhiệm ông Nguyễn Duy Bình giữ chức Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tư vấn</p>

			xây dựng điện 3. Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT ra quyết định bổ nhiệm ông Nguyễn Duy Bình. Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ban hành. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Giám đốc các Chi nhánh và các đơn vị trực thuộc Công ty có trách nhiệm thi hành nghị quyết này./.
6	0149/NQ-HĐQT (Họp HĐQT thường kỳ quý 3)	4/7/2019	Điều 1. Ghi nhận kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2019 và Phương án triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm. Điều 2. Thông qua việc bổ sung, hiệu chỉnh Quy chế lương của Công ty. Điều 3. Thông qua việc bổ sung, hiệu chỉnh Kế hoạch mua sắm tài sản cố định năm 2019.
7	0176/NQ-HĐQT (Họp HĐQT thường kỳ quý 4)	4/10/2019	Điều 1. Ghi nhận kết quả SXKD 9 tháng đầu năm 2019 và Phương án triển khai nhiệm vụ 3 tháng cuối năm. Điều 2. Thống nhất chủ trương thành lập phòng Kinh tế dự toán.
8	0179/NQ-HĐQT (Họp HĐQT bất thường, lấy ý kiến bằng văn bản)	18/10/2019	Điều 1. Thống nhất chủ trương thành lập phòng Nghiên cứu và phát triển dự án trực thuộc Công ty. Điều 2. HĐQT giao cho Tổng Giám đốc ký quyết định bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo phòng Nghiên cứu và phát triển dự án.

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

- Ông Thái Tuấn Tài - Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Tôn Thất Hùng - Thành viên Hội đồng quản trị

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành.

TT	Họ & Tên	Chức vụ	Số CMND	Đ/Chỉ	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ
1	Trương Thị Anh Đào	Trưởng BKS	024654756	A2-07-05 Khu Căn Hộ Giai Việt	2.757	0,033%



				số 856 Tạ Quang Bửu, Quận 8, TP.HCM		
2	Nguyễn Minh Hiếu	Thành viên BKS	012212614	P512, L1, 93 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	0	0
4	Nguyễn Văn Thiện	Thành viên BKS	024865465	14/12/2 Đường 24, Phường Linh Đông, Quận Thủ Đức, TP.HCM		

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Hoạt động của Ban kiểm soát tuân thủ chặt chẽ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Công tác triển khai giám sát, kiểm soát theo kế hoạch của năm 2019 đã được đại hội cổ đông thông qua.

Trong năm 2019, ban kiểm soát đã thực hiện kiểm soát trực tiếp tại Công ty và Chi nhánh của Công ty với một số nội dung chính, bao gồm:

- Thực hiện theo dõi, giám sát hoạt động điều hành và thực hiện sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2019.
- Theo dõi kiểm tra việc thực hiện các nội dung của Nghị quyết đã được Đại hội cổ đông thường niên thông qua ngày 29-03-2019.
- Theo dõi tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc. Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và một số buổi họp của ban lãnh đạo triển khai thực hiện các kế hoạch kinh doanh và báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch theo quý 1, 6 tháng và cả năm 2019.
- Thực hiện kiểm soát công tác tài chính kế toán, thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo sản xuất kinh doanh, tình hình quản lý tài sản, công cụ dự trữ và công nợ của năm 2019.

- Đã đề xuất lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 bao gồm giai đoạn soát xét báo cáo tài chính 6 tháng năm 2019 và báo cáo tài chính cả năm 2019.
 - Triển khai thực hiện các 02 đợt kiểm soát trực tiếp tại Công ty cụ thể:
 - + Ngày 13/3/2019: Kiểm tra, kiểm soát trực tiếp tại Công ty các nội dung sau: Thẩm định báo cáo tài chính của năm 2018 thông qua kiểm tra chứng từ sổ sách. Đánh giá tình hình quản lý điều hành sản xuất kinh doanh năm 2018 và các nội dung liên quan.
 - + Ngày 29/9/2019: Kiểm soát báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2019 của Chi nhánh Miền Trung – Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3 tại Nha Trang với các nội dung kiểm soát bao gồm : Kiểm tra việc thực hiện sản xuất, xem xét công tác tài chính kế toán 6 tháng đầu năm 2019 và Các nội dung khác như: Tình hình công nợ phải thu, phải trả 6 tháng đầu năm 2019 và Các hoạt động theo phân cấp của Chi nhánh;
- Sau các đợt kiểm soát đều có biên bản làm việc của Ban kiểm soát ghi nhận tình hình hoạt động của Công và các ý kiến, kiến nghị của Ban kiểm soát.

c) Các biên bản làm việc của Ban Kiểm soát

1	Biên bản	Ngày	Nội dung
1	Biên bản làm việc giữa BKS và Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3	13/03/2019	<ul style="list-style-type: none"> + Kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị năm 2018. + Đánh giá tình hình quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh năm 2018. + Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2018. + Các nội dung khác như: Tình hình công nợ phải thu, phải trả năm 2018; Thu nhập của HĐQT và BKS năm 2018; Tình hình ĐTXD; Đầu tư tài chính dài hạn; Mua sắm

			TSCĐ; Mua sắm Công cụ dụng cụ và trang thiết bị; Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát tại Biên bản Kiểm soát ngày 28/9/2018,...
2	Biên bản làm việc giữa BKS và Chi nhánh miền Trung - Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3	26/9/2019	+ Kiểm tra việc thực hiện sản xuất 6 tháng đầu năm 2019. + Xem xét công tác tài chính kế toán 6 tháng đầu năm 2019. + Các nội dung khác như: Tình hình công nợ phải thu, phải trả 6 tháng đầu năm 2019; phân phối tiền lương ; hợp đồng thuê ngoài ; chi tiêu nội bộ ; Đầu tư xây dựng và mua sắm tài sản cố định, Các hoạt động theo phân cấp của Chi nhánh.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thù lao, tiền thưởng, các khoản lợi ích:

- Hội đồng quản trị:

- Ông Thái Tuấn Tài – Chủ tịch HĐQT kiêm TGD: 591.120.000 đồng
- Ông Tôn Thất Hùng – UVHĐQT kiêm Phó TGD: 464.010.000 đồng
- Ông Nguyễn Phú Gia – UV HĐQT: 140.880.000 đồng
- Nguyễn Như Hoàng Tuấn – UY HĐQT: 1.243.720.800 đồng

- Ban Tổng giám đốc:

- Ông Nguyễn Trí Trinh – Phó Tổng giám đốc: 1.135.370.861 đồng
- Ông Trần Lê Minh – Phó Tổng giám đốc: 981.915.803 đồng
- Ông Nguyễn Duy Bình – Phó Tổng giám đốc: 341.681.565 đồng

- Ban Kiểm soát:

- Bà Trương Thị Anh Đào – Trưởng Ban kiểm soát: 446.954.000 đồng

- Bà Nguyễn Minh Hiếu – Thành viên Ban kiểm soát: 90.530.000 đồng
 - Ông Nguyễn Văn Thiện – Thành viên Ban kiểm soát: 461.591.215 đồng
- b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có giao dịch
- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có giao dịch

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính Tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		236.791.822.472	216.578.960.513
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	93.001.091.226	86.295.430.029
1. Tiền	111		41.001.091.226	32.295.430.029
2. Các khoản tương đương tiền	112		52.000.000.000	54.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		220.790.000	220.790.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5	220.790.000	220.790.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		123.671.770.233	101.716.571.588
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	129.597.447.342	99.285.092.157
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.041.291.800	2.978.058.410
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	6.894.756.577	11.911.752.526
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(14.861.725.486)	(12.458.331.505)
IV. Hàng tồn kho	140	9	19.733.301.032	28.114.557.220
1. Hàng tồn kho	141		19.733.301.032	28.114.557.220
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		164.869.981	231.611.676
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	164.869.981	231.611.676
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		76.542.595.773	74.396.854.065
I. Các khoản phải thu dài hạn			23.427.599.485	23.268.575.757
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	23.274.599.485	20.969.453.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	7	153.000.000	2.299.122.757
II. Tài sản cố định	220		31.312.151.863	29.245.706.076
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	19.470.573.019	18.454.145.421
- Nguyên giá	222		52.234.120.222	48.575.002.349
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(32.763.547.203)	(30.120.856.928)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	11.841.578.844	10.791.560.655

**EVNPECC3***Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 (TV3)*

- Nguyên giá	228		19.816.984.776	17.152.860.442
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.975.405.932)	(6.361.299.787)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		18.985.855.750	19.105.432.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	13	19.930.855.750	19.672.432.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	14	(945.000.000)	(567.000.000)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		2.816.988.675	2.777.140.232
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	2.816.988.675	2.777.140.232
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		313.334.418.245	290.975.814.578

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		204.881.794.569	189.220.037.875
I. Nợ ngắn hạn	310		204.881.794.569	189.220.037.875
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	5.195.259.950	8.212.935.826
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	39.409.360.439	52.866.779.750
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	16.681.681.597	11.958.788.393
4. Phải trả người lao động	314		109.230.393.386	96.237.552.060
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	6.041.072.280	4.680.739.990
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	16.672.857.234	13.851.538.749
7. Vay ngắn hạn	320	20	10.696.036.576	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		955.133.107	1.411.703.107
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		108.452.623.676	101.755.776.703
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	108.452.623.676	101.755.776.703
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		82.760.800.000	82.760.800.000
- Cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết	411a		82.760.800.000	82.760.800.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(140.000)	(140.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.827.000.000	3.490.000.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		17.864.963.676	15.505.116.703
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		946.050.703	1.049.412.818
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		16.918.912.973	14.455.703.885
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		313.334.418.245	290.975.814.578

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01		388.748.715.204	381.485.576.182
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		965.430.425	1.220.269.143
3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	24	387.783.284.779	380.265.307.039
4. Giá vốn cung cấp dịch vụ	11	25	274.088.901.741	274.133.944.236
5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		113.694.383.038	106.131.362.803
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	3.822.213.481	2.602.269.508
7. Chi phí tài chính	22	28	548.213.978	(1.995.791.117)
8. Chi phí bán hàng	25	29	25.149.364.048	21.506.430.960
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	67.184.554.672	59.927.603.801
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		24.634.463.821	29.295.388.667
11. Thu nhập khác	31	30	454.590.909	956.778.410
12. Chi phí khác	32	31	2.076.995.882	11.560.003.650
13. Lỗ khác (40=31-32)	40		(1.622.404.973)	(10.603.225.240)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		23.012.058.848	18.692.163.427
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	32	6.093.145.875	4.236.459.542
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		16.918.912.973	14.455.703.885
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	1.840	1.572

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	23.012.058.848	18.692.163.427
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	4.908.116.820	4.705.154.698
Các khoản dự phòng	03	2.781.393.981	1.825.399.383
Lỗ/(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	110.947.545	(102.133.218)
Lỗ/(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	3.681.645.834	(4.020.813.861)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	27.130.871.360	21.099.770.429
Thay đổi các khoản phải thu	09	(24.427.466.584)	(52.671.051.796)
Thay đổi hàng tồn kho	10	8.381.256.188	4.123.491.807
Thay đổi các khoản phải trả	11	16.117.300.136	8.592.436.085
Thay đổi chi phí trả trước	12	26.893.252	(407.618.517)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.213.310.942)	(3.273.614.461)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.402.570.000)	(1.213.580.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	18.612.973.410	(23.750.166.453)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(6.974.562.607)	(1.724.081.803)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	50.000.000	286.126.291
3. Tiền thu hồi tiền gửi tiết kiệm	24	-	13.675.400.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(258.423.750)	(222.432.000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.524.243.056	1.883.079.327
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.658.743.301)	13.898.091.815
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.223.319.900)	(8.128.824.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(8.223.319.900)	(8.128.824.300)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	6.730.910.209	(17.980.898.938)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	86.295.430.029	104.218.416.418
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(25.249.012)	57.912.549
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	93.001.091.226	86.295.430.029

**1. THÔNG TIN KHAI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (gọi tắt là "Công ty"), tên tiếng Anh là Power Engineering Consulting Joint Stock Company 3, viết tắt là PECC3, được chuyển đổi trên cơ sở cổ phần hóa từ Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 3, doanh nghiệp nhà nước thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 335/QĐ-BCN ngày 26 tháng 01 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301475102, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 17 tháng 01 năm 2011, và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh.

Vốn góp của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thứ 9 được cấp ngày 13 tháng 02 năm 2018 là 82.760.800.000 đồng, chia thành 8.276.080 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cổ phiếu của Công ty đã chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là TV3.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 468 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 486 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ xây dựng công trình điện và công trình dân dụng. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Kiểm định chất lượng xây dựng; chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận chất lượng công trình xây dựng;
- Đo đạc bản đồ và vẽ bản đồ địa chính;
- Lập quy hoạch các dự án đầu tư, phát triển điện lực;
- Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư, lập hồ sơ đấu thầu dự án các nhà máy điện (thủy-nhiệt điện-nguồn và lưới điện), dự án xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; dự án năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt); dự án đường dây tải điện và trạm biến áp;
- Lập tổng dự toán công trình, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nguồn và lưới điện, thí nghiệm mẫu đất, đá, cát nước, kết cấu bê tông, thép và vật liệu xây dựng;
- Thi công khoan cọc bê tông, xử lý nền móng công trình xây dựng;
- Khảo sát địa chất xây dựng công trình, thiết kế đo đạc địa hình công trình;
- Thiết kế công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến thế); Thiết kế công trình thủy lợi (đập, đường hầm, cống, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ sông);
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp;
- Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện; giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; giám sát công tác khảo sát địa chất công trình; giám sát công tác lắp đặt phần điện công trình công nghiệp; giám sát công tác phần điện công trình công nghiệp; giám sát công tác phần điện và thiết bị điện công trình đường dây và trạm biến áp;
- Tư vấn quản lý dự án, thiết kế hệ thống thông tin liên lạc công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thẩm tra thiết kế công trình;
- Tư vấn lập hồ sơ: đền bù giải phóng mặt bằng, di dân tái định canh, định cư các công trình nguồn, lưới điện và các công trình xây dựng khác;
- Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, thiết kế công trình đường bộ;
- Giám sát thi công xây dựng công trình đường bộ; giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cấp thoát nước theo tuyến; giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình đường bộ;
- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cầu-đường bộ;
- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường;
- Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình nguồn điện, công trình dân dụng công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện;
- Khoan thăm dò, kiểm tra lấy mẫu thử để đo chỉ tiêu vật lý, địa chất;
- Kiểm định chất lượng công trình; dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu, vật liệu xây dựng; khoan phun chống thấm, gia cố xử lý nền móng công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản;

- Gia công chế tạo, lắp đặt các thiết bị điện sinh hoạt và công nghiệp (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi măng điện).

Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty phụ thuộc theo tiến độ chung của dự án, do đó các công trình có thể kéo dài trong 12 tháng hoặc hơn.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các chi nhánh không có tư cách pháp nhân và đơn vị phụ thuộc như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Miền Trung	Đường 23/10 KDC Tây Cầu Dứa, xã Vĩnh Hiệp, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Tư vấn, khảo sát thiết kế
Xí nghiệp Khảo Sát và Xây dựng Điện	32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	Tư vấn, khảo sát thiết kế

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính tổng hợp

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Văn phòng chính và Chi nhánh. Tất cả các nghiệp vụ và số dư nội bộ được loại bỏ trong báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.



Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	12 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 06
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất và các loại phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời gian ghi trên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành và được khách hàng xác nhận; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần và theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Trích lập Quỹ lương

Công ty thực hiện trích lập quỹ lương trong năm theo Nghị quyết được phê duyệt bởi Hội đồng Quản trị.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm <u>VND</u>	Số đầu năm <u>VND</u>
Tiền mặt	456.828.097	91.393.736
Tiền gửi ngân hàng	40.544.263.129	32.204.036.293
Các khoản tương đương tiền	52.000.000.000	54.000.000.000
	<u>93.001.091.226</u>	<u>86.295.430.029</u>

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng bằng Đồng Việt Nam với lãi suất tại các ngân hàng thương mại từ 4,8% đến 5,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 4,5% đến 5,5%/năm).

5. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc <u>VND</u>	Giá trị hợp lý <u>VND</u>	Giá gốc <u>VND</u>	Giá trị hợp lý <u>VND</u>
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung	220.790.000	1.012.195.800	220.790.000	1.062.553.800
	<u>220.790.000</u>	<u>1.012.195.800</u>	<u>220.790.000</u>	<u>1.062.553.800</u>

Tại ngày báo cáo, Công ty đã xác định giá trị hợp lý của cổ phiếu đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung dựa vào giá thị trường giao dịch trên sàn HOSE tại ngày 31 tháng 12 năm 2019. Giá trị hợp lý của cổ phiếu phản ánh số tiền dự kiến có thể thực hiện được.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	129.597.447.342	99.285.092.157
Phải thu khách hàng là các bên thứ ba	27.878.400.526	47.378.997.546
Sở Công Thương Bình Thuận	-	1.228.942.200
Sở Công Thương Lâm Đồng	-	1.798.000.000
Sở Công Thương Sóc Trăng	-	1.257.909.000
Sở Công Thương Tây Ninh	-	1.671.420.000
Sở Công Thương Tiền Giang	-	1.083.130.000
Công ty TNHH Hyosung Việt Nam	-	1.254.546.000
Công ty CP Thủy điện Thiên Tân	5.100.415.846	5.100.415.846
Công ty CP Đầu tư Sài Gòn VRG	1.130.302.320	1.030.411.494
Sở Công Thương Hậu Giang	-	1.946.343.500
Công ty TNHH điện Xêkhaman 1	2.600.450.894	3.804.658.994
Sumitomo Corporation	-	7.466.781.960
Công ty CP Đầu tư & LĐTĐ NM thủy điện Đa Dâng	1.024.000.000	1.024.000.000
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	1.911.636.552	3.339.147.203
BĐH DA TĐ Đồng Nai 5	1.280.541.000	1.280.541.000
Công ty CP Năng lượng Tái tạo Ecotech Trà Vinh	-	3.094.200.000
Công ty CP khai thác TĐ Sông Giang	1.100.083.384	1.100.083.384
Công ty TNHH Hải Linh	4.389.500.000	-
Công ty CP Điện KCN Vĩnh Lộc	1.198.619.859	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	6.751.295.709	8.862.745.239
Phải thu các bên liên quan (chi tiết tại Quyết minh số 35)	101.719.046.816	51.906.094.611
b. Phải thu dài hạn của khách hàng	23.274.599.485	20.969.453.000
Phải thu khách hàng là các bên thứ ba	4.486.183.212	5.175.834.722
Công ty liên doanh TNHH KCN Việt Nam	220.135.907	841.639.222
Ban QLDA NMTĐ Đồng Nai 5	1.748.428.980	1.748.428.980
Ban QLDA huyện Côn Đảo	188.508.897	590.044.516
Tổng Cty CP ĐTXD và TM Việt Nam	593.984.898	593.984.898
Sở công thương Kon Tum	399.470.000	399.470.000
Ban QLDA ĐL Dầu Khí Long Phú 1	255.066.654	255.066.654
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.080.587.876	747.200.452
Phải thu các bên liên quan (chi tiết tại quyết minh số 35)	18.788.416.273	15.793.618.278
	<u>152.872.046.827</u>	<u>120.254.545.157</u>

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn		
Phải thu tạm ứng	1.183.171.061	1.830.780.194
Ký cược, ký quỹ (*)	5.207.810.037	7.170.450.662
Chi hộ bảo hiểm xã hội	9.562.483	-
Bảo hiểm xã hội	222.227.067	257.335.785
Bảo hiểm thất nghiệp	8.574.227	6.915.145
Phải thu khoản bồi thường dự án Trảng Bàng - Tây Ninh	-	2.515.061.993
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	201.575.000	94.172.222
Phải thu ngắn hạn khác	61.836.702	37.036.525
	6.894.756.577	11.911.752.526
Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	153.000.000	2.299.122.757
	7.047.756.577	14.210.875.283

(*) Công ty đã ký quỹ tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn để đảm bảo bảo lãnh hoàn trả tạm ứng cho các dự án tại Công ty

**8. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc nợ quá hạn VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc nợ quá hạn VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Ban QLDA Nhiệt điện 2	2.418.828.407	725.648.522	1.693.179.885	2.418.828.407	1.209.414.203	1.209.414.204
Sở Công Thương Cần Thơ	-	-	-	855.676.000	427.838.000	427.838.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Thiên Tân	5.100.415.846	-	5.100.415.846	5.100.415.846	1.530.124.754	3.570.291.092
Công ty TNHH điện Xêkhaman 1	2.600.450.894	1.300.225.447	1.300.225.447	1.204.208.100	644.463.230	559.744.870
Công ty Cổ phần khai thác thủy điện Sông Giang	1.100.083.384	296.378.400	803.704.984	1.100.083.384	426.764.000	673.319.384
Ban QLDA nhiệt điện Vĩnh Tân	479.128.000	-	479.128.000	479.128.000	-	479.128.000
Công ty Cổ phần Quang Đức Kon Tum	572.105.250	-	572.105.250	572.105.250	-	572.105.250
Công ty CP Đầu tư Thủy điện Anpha	570.104.962	285.052.481	285.052.481	216.256.060	216.256.060	-
Khác	9.155.689.402	4.527.775.809	4.627.913.593	6.268.676.749	1.302.186.044	4.966.490.705
	21.996.806.145	7.135.080.659	14.861.725.486	18.215.377.796	5.757.046.291	12.458.331.505

**9. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	149.783.527	-	236.887.417	-
Công cụ, dụng cụ	4.858.815	-	5.381.074	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	19.578.658.690	-	27.872.288.729	-
	19.733.301.032	-	28.114.557.220	-

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Chi phí trả trước ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	164.869.981	231.611.676
	164.869.981	231.611.676
b. Chi phí trả trước dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	2.816.988.675	2.777.140.232
	2.816.988.675	2.777.140.232

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	13.196.031.024	12.855.891.257	17.559.651.826	4.963.428.242	48.575.002.349
Mua sắm mới	-	4.033.907.273	-	276.531.000	4.310.438.273
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(651.320.400)	-	(651.320.400)
Số cuối năm	<u>13.196.031.024</u>	<u>16.889.798.530</u>	<u>16.908.331.426</u>	<u>5.239.959.242</u>	<u>52.234.120.222</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm	5.991.554.697	9.894.395.927	10.821.592.793	3.413.313.511	30.120.856.928
Trích khấu hao trong năm	776.486.760	758.790.271	1.154.577.657	604.155.987	3.294.010.675
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(651.320.400)	-	(651.320.400)
Số cuối năm	<u>6.768.041.457</u>	<u>10.653.186.198</u>	<u>11.324.850.050</u>	<u>4.017.469.498</u>	<u>32.763.547.203</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày cuối năm	<u>6.427.989.567</u>	<u>6.236.612.332</u>	<u>5.583.481.376</u>	<u>1.222.489.744</u>	<u>19.470.573.019</u>
Tại ngày đầu năm	<u>7.204.476.327</u>	<u>2.961.495.330</u>	<u>6.738.059.033</u>	<u>1.550.114.731</u>	<u>18.454.145.421</u>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 17.889.752.473 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 15.733.100.492 đồng).

**12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	10.706.370.572	6.446.489.870	17.152.860.442
Tăng trong năm	-	2.664.124.334	2.664.124.334
Số cuối năm	10.706.370.572	9.110.614.204	19.816.984.776
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	1.447.404.117	4.913.895.670	6.361.299.787
Trích khấu hao trong năm	198.171.480	1.415.934.665	1.614.106.145
Số cuối năm	1.645.575.597	6.329.830.335	7.975.405.932
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày cuối năm	9.060.794.975	2.780.783.869	11.841.578.844
Tại ngày đầu năm	9.258.966.455	1.532.594.200	10.791.560.655

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 2.895.691.187 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 2.606.802.690 đồng).

Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất sử dụng đất tại quận 2 – Thửa đất số 143 theo hợp đồng thế chấp số 36/2006/95234 ngày 15 tháng 12 năm 2006 với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 2.877.252.555 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 2.957.547.975 đồng) nhằm bảo lãnh thanh toán cho các dự án.

13. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	3.150.000.000	3.150.000.000
Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình	16.300.000.000	16.300.000.000
Công ty TNHH Điện gió Sunpro Bến tre số 8	480.855.750	222.432.000
	19.930.855.750	19.672.432.000

Các khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế, Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình và Công ty TNHH Điện gió Sunpro Bến Tre số 8 thể hiện khoản góp vốn đầu tư cho mục đích chiến lược lâu dài.

14. DỰ PHÒNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đã đánh giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn và trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

Chi tiết như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	945.000.000	567.000.000
	945.000.000	567.000.000

Chi tiết biến động trong năm của các khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Đầu tư dài hạn khác VND
Tại ngày đầu năm	567.000.000
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	378.000.000
Tại ngày cuối năm	945.000.000

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn		
Tractebel Engineering S.A		4.047.115.856
Công ty TNHH Kỹ thuật điện Phương Nam	139.814.500	139.814.500
Công ty TNHH TMDV Nam Việt	367.356.000	923.868.625
Công ty CP Thiết kế - Tư vấn XD Cần Thơ	164.203.373	722.182.175
Cty TNHH Tư vấn khảo sát thiết kế Đức Thịnh	471.317.000	-
Công ty TNHH MTV Trắc địa Bản đồ	906.993.743	-
Phải trả nhà cung cấp khác	2.761.256.100	1.617.871.889
	4.810.940.716	7.450.853.045
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 35)	384.319.234	762.082.781
	5.195.259.950	8.212.935.826

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Các khoản nhận ứng trước từ khách hàng	3.834.569.707	5.500.196.196
Công ty TNHH Hải Linh	-	250.745.000
Sở công thương Quảng Bình	666.000.000	300.000.000
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	701.000.000
Công ty cổ phần Bất Động Sản Tiến Phước	487.500.000	487.500.000
Tổng công ty đầu tư phát triển công nghiệp (Becamex IDC)	480.000.000	480.000.000
Công ty liên doanh TNHH KCN Việt Nam - Singapore	475.269.000	475.269.000
Công ty cổ phần Thủy điện Trường Phú	459.478.899	459.478.899
Các khoản nhận ứng trước khác	1.266.321.808	2.346.203.297
b) Các khoản nhận ứng trước từ các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 35)	35.574.790.732	47.366.583.554
	39.409.360.439	52.866.779.750

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí cho các dự án, công trình	5.791.072.280	4.430.739.990
Chi phí dịch vụ	250.000.000	250.000.000
	6.041.072.280	4.680.739.990

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.732.485.362	6.093.145.875	6.213.310.942	2.612.320.295
Thuế giá trị gia tăng	8.922.791.672	49.602.390.175	46.263.539.507	12.261.642.340
Thuế thu nhập cá nhân	303.511.359	12.382.145.994	10.877.938.391	1.807.718.962
Thuế khác	-	1.455.885.991	1.455.885.991	-
	11.958.788.393	69.533.568.035	64.810.674.831	16.681.681.597

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Kinh phí công đoàn	124.892.640	101.192.020
Bảo hiểm xã hội	-	35.956.997
Bảo hiểm y tế	94.151.961	71.874.053
Bảo hiểm thất nghiệp	967.156	907.888
Phải trả cổ tức cho cổ đông	662.177.675	609.431.575
Chi phí công trình phải trả	4.698.728.677	5.151.134.717
Phải trả về khoản tạm thu thuế TNCN của cán bộ công nhân viên	9.668.518.748	6.868.999.772
Phải trả cán bộ công nhân viên về khoản tạm ứng	1.012.411.455	659.015.312
Các khoản phải trả, phải nộp khác	411.008.922	353.026.415
	16.672.857.234	13.851.538.749

20. VAY NGẮN HẠN

Đây là khoản Công ty vay lại lương khoản đã duyệt chi của năm 2018 cho các phòng ban trong Công ty theo Nghị quyết số 0056/NQ-HĐQT ngày 28 tháng 3 năm 2019. Tại ngày 28 tháng 3 năm 2019, Công ty và các phòng ban đã thống nhất thỏa thuận ký kết Biên bản số 0308-0313/BB-TVĐ3 về việc sẽ cho Công ty vay tín chấp số tiền lương khoản năm 2018 còn phải trả với lãi suất cho vay là 0% và thời hạn trả nợ vay là đến tháng 3 năm 2020 nhằm bổ sung vốn lưu động.

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiết về mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Công ty như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phần được phép phát hành	8.276.080	8.276.080
Số cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ	8.276.080	8.276.080
Số cổ phần đang lưu hành	8.276.066	8.276.066
Số cổ phiếu quỹ	14	14
Mệnh giá cổ phần (VND)	10.000	10.000

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Vốn cổ phần đã được các cổ đông góp tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Cổ phiếu	%	Vốn đã góp VND	Cổ phiếu	%	Vốn đã góp VND
Tập đoàn điện lực Việt Nam	4.037.134	48,78%	40.371.340.000	4.037.134	48,78%	40.371.340.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt	645.349	7,80%	6.453.490.000	655.958	7,93%	6.559.580.000
Ông Trần Quốc Điền	507.229	6,13%	5.072.290.000	423.721	5,12%	4.237.210.000
Cổ đông khác	3.086.354	37,29%	30.863.540.000	3.159.253	38,17%	31.592.530.000
Cổ phiếu quỹ	14	0,00%	140.000	14	0,00%	140.000
	8.276.080	100%	82.760.800.000	8.276.080	100%	82.760.800.000

Chi tiết thay đổi về vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	48.684.270.000	45.000.000	(140.000)	34.030.474.882	14.578.533.936	97.338.138.818
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	14.455.703.885	14.455.703.885
Chia cổ tức đã công bố	-	-	-	-	(8.276.066.000)	(8.276.066.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	3.490.000.000	(5.252.000.000)	(1.762.000.000)
Tăng vốn trong năm	34.076.530.000	(45.000.000)	-	(34.030.474.882)	(1.055.118)	-
Số dư đầu năm nay	82.760.800.000	-	(140.000)	3.490.000.000	15.505.116.703	101.755.776.703
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	16.918.912.973	16.918.912.973
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(8.276.066.000)	(8.276.066.000)
Trích lập quỹ	-	-	-	4.337.000.000	(6.283.000.000)	(1.946.000.000)
Số dư cuối năm nay	82.760.800.000	-	(140.000)	7.827.000.000	17.864.963.676	108.452.623.676

Theo Nghị quyết số 72/NQ-TVĐ3 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 thông qua ngày 29 tháng 3 năm 2019, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận của Công ty từ lợi nhuận sau thuế của năm 2018, cụ thể:

- Trích lập Quỹ khen thưởng và phúc lợi là 1.446.000.000 đồng, tương đương 10% lợi nhuận sau thuế.
- Trích lập Quỹ đầu tư phát triển là 4.337.000.000 đồng, tương đương 30% lợi nhuận sau thuế.
- Thù lao Hội đồng Quản trị và thù lao Ban Kiểm soát do hoàn thành kế hoạch lợi nhuận theo Điều lệ Công ty là 500.000.000 đồng.
- Chia cổ tức bằng tiền mặt, tương đương 10% vốn điều lệ với số tiền là 8.276.066.000 đồng.

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đã tiến hành chi trả cổ tức năm 2018 bằng tiền cho các Cổ đông.

**22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****Ngoại tệ các loại:**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ (USD)	713.661,65	727.659,27
Euro (EUR)	4.072,18	4.083,51

23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là tư vấn khảo sát thiết kế, theo đó toàn bộ doanh thu phát sinh trong năm của Công ty là doanh thu liên quan đến hoạt động này, vì vậy Công ty xác định không có sự khác biệt về lĩnh vực kinh doanh cho toàn bộ hoạt động của Công ty.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực địa lý bao gồm: Văn phòng Công ty, Xí nghiệp Khảo sát và Xây dựng điện, và Chi nhánh Miền Trung.

Báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019:

Chi tiêu	Văn phòng Công ty VND	Xí nghiệp Khảo sát và Xây dựng Điện VND	Chi nhánh miền Trung VND	Tổng cộng VND
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ từng bộ phận	383.406.126.269	77.956.879.778	33.258.742.262	494.621.748.309
Khoản giảm trừ doanh thu của từng bộ phận	(965.430.425)	-	-	(965.430.425)
Doanh thu nội bộ giữa các bộ phận	(1.420.904.699)	(77.715.288.869)	(26.736.839.537)	(105.873.033.105)
Tổng Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	381.019.791.145	241.590.909	6.521.902.725	387.783.284.779
Chi phí bộ phận				
- Giá vốn hàng bán	(190.052.089.774)	(56.623.152.817)	(27.413.659.150)	(274.088.901.741)
- Doanh thu hoạt động tài chính	3.811.937.488	7.798.502	2.477.491	3.822.213.481
- Chi phí tài chính	(548.213.978)	-	-	(548.213.978)
- Chi phí bán hàng	(25.149.364.048)	-	-	(25.149.364.048)
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	(47.769.037.652)	(16.517.798.362)	(2.897.718.658)	(67.184.554.672)
- Thu nhập khác	449.590.913	1.818.181	3.181.815	454.590.909
- Chi phí khác	(2.076.995.882)	-	-	(2.076.995.882)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	119.685.618.212	(72.889.743.587)	(23.783.815.777)	23.012.058.848
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(6.093.145.875)	-	-	(6.093.145.875)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	113.592.472.337	(72.889.743.587)	(23.783.815.777)	16.918.912.973
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI 31 THÁNG 12 NĂM 2019				
Tổng tài sản của từng bộ phận	300.117.212.126	61.894.226.156	27.813.389.344	389.824.827.626
Số dư nội bộ giữa các bộ phận	(28.866.262.685)	(39.900.764.463)	(7.723.382.233)	(76.490.409.381)
Tổng tài sản	271.250.949.441	21.993.461.693	20.090.007.111	313.334.418.245
Tổng nợ phải trả của từng bộ phận	193.307.310.364	52.205.344.310	22.860.678.102	268.373.332.776
Số dư nội bộ giữa các bộ phận	(45.779.508.777)	(12.106.524.533)	(5.605.504.897)	(63.491.538.207)
Tổng nợ phải trả	147.527.801.587	40.098.819.777	17.255.173.205	204.881.794.569

Báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018:

Chi tiêu	Văn phòng Công ty VND	Xí nghiệp Khảo sát và Xây dựng Điện VND	Chi nhánh miền Trung VND	Tổng cộng VND
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ từng bộ phận	377.279.352.469	59.588.897.182	28.451.124.637	465.319.374.288
Khoản giảm trừ doanh thu của từng bộ phận	(1.220.269.143)	-	-	(1.220.269.143)
Doanh thu nội bộ giữa các bộ phận	(1.169.249.233)	(58.888.386.727)	(23.776.162.146)	(83.833.798.106)
Tổng Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	374.889.834.093	700.510.455	4.674.962.491	380.265.307.039
Chi phí bộ phận				
- Giá vốn hàng bán	(204.890.297.287)	(44.794.502.019)	(24.449.144.930)	(274.133.944.236)
- Doanh thu hoạt động tài chính	2.588.859.786	5.245.355	8.164.367	2.602.269.508
- Chi phí tài chính	1.995.791.117	-	-	1.995.791.117
- Chi phí bán hàng	(18.107.147.168)	-	-	(18.107.147.168)
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	(47.173.859.620)	(13.336.491.830)	(2.816.536.143)	(63.326.887.593)
- Thu nhập khác	951.151.041	2.445.553	3.181.816	956.778.410
- Chi phí khác	(11.560.003.650)	-	-	(11.560.003.650)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	98.694.328.312	(57.422.792.486)	(22.579.372.399)	18.692.163.427
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(4.236.459.542)	-	-	(4.236.459.542)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	94.457.868.770	(57.422.792.486)	(22.579.372.399)	14.455.703.885
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI 31 THÁNG 12 NĂM 2018				
Tổng tài sản của từng bộ phận	291.112.425.342	39.859.212.456	23.649.711.262	354.621.349.060
Số dư nội bộ giữa các bộ phận	(30.463.550.663)	(24.978.960.848)	(8.203.022.971)	(63.645.534.482)
Tổng tài sản	260.648.874.679	14.880.251.608	15.446.688.291	290.975.814.578
Tổng nợ phải trả của từng bộ phận	186.205.188.907	37.435.859.832	18.697.000.020	242.338.048.759
Số dư nội bộ giữa các bộ phận	(33.181.983.819)	(15.277.305.392)	(4.658.721.673)	(53.118.010.884)
Tổng nợ phải trả	153.023.205.088	22.158.554.440	14.038.278.347	189.220.037.875

24. DOANH THU THUẬN CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Doanh thu hoạt động khảo sát, thiết kế	388.748.715.204	381.485.576.182
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Giảm giá hàng bán	(965.430.425)	(1.220.269.143)
	<u>387.783.284.779</u>	<u>380.265.307.039</u>

25. GIÁ VỐN CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hoạt động khảo sát, thiết kế	274.088.901.741	274.133.944.236
	<u>274.088.901.741</u>	<u>274.133.944.236</u>

26. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.370.035.425	2.211.668.878
Chi phí nhân công	212.742.994.170	188.537.619.836
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.908.116.820	4.705.154.698
Chi phí dự phòng	2.403.393.981	4.287.319.034
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.160.037.047	51.163.377.793
Chi phí khác	116.456.986.830	100.539.346.951
	<u>358.041.564.273</u>	<u>351.444.487.190</u>

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.926.288.134	1.485.646.210
Cổ tức được chia	1.705.357.700	73.248.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	190.567.647	941.242.080
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	-	102.133.218
	<u>3.822.213.481</u>	<u>2.602.269.508</u>

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	59.266.434	466.128.534
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	110.947.544	-
Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá đầu tư tài chính	378.000.000	(2.461.919.651)
	<u>548.213.978</u>	<u>(1.995.791.117)</u>

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	32.070.328.167	23.804.516.191
Chi phí vật liệu quản lý	1.052.688.210	1.136.521.378
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.285.284.591	1.061.308.747
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.725.277.292	1.798.758.701
Thuế, phí lệ phí	5.999.104	10.067.064
Chi phí dự phòng	2.403.393.981	4.596.703.397
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.678.125.892	15.379.581.882
Chi phí bằng tiền khác	14.963.457.435	12.140.146.441
	67.184.554.672	59.927.603.801
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên bán hàng	4.700.942.979	3.399.283.792
Chi phí bán hàng khác	20.448.421.069	18.107.147.168
	25.149.364.048	21.506.430.960

30. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tăng thu nhập các khoản KH ứng trước theo BBKTT (ngày 06/12/2018)	-	665.024.750
Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	50.000.000	268.181.818
Thu từ thanh lý công cụ dụng cụ	43.227.269	17.944.473
Thu từ tiền cho thuê nhà	245.000.000	-
Khác	116.363.640	5.627.369
	454.590.909	956.778.410

31. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí truy thu thuế, phạt chậm nộp thuế	343.667.705	312.498.047
Chi phí bồi thường hợp đồng	85.372.430	10.867.483.095
Phạt vi phạm hành chính	229.488.660	-
Chi phí bồi thường thiệt hại	1.298.466.986	-
Khác	120.000.101	380.022.508
	2.076.995.882	11.560.003.650

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.140.461.440	3.791.516.621
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	952.684.435	444.942.921
	6.093.145.875	4.236.459.542

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	23.012.058.848	18.692.163.427
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	6.910.668.047	1.055.050.948
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(4.220.419.693)	(789.631.268)
Thu nhập chịu thuế	25.702.307.202	18.957.583.107
Trong đó:		
+ Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	25.702.307.202	18.957.583.107
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.140.461.440	3.791.516.621

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế.

Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả hay tài sản thuế thu nhập hoãn lại vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được tạm tính trong năm trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông của Công ty	16.918.912.973	14.455.703.885
Trừ: Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm (*)	(1.691.891.297)	(1.445.570.389)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.227.021.676	13.010.133.497
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (**)	8.276.066	8.276.066
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.840	1.572

(*) Theo Nghị quyết số 72/NQ-TVĐ3 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 thông qua ngày 29 tháng 3 năm 2019, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt trích lập Quỹ khen thưởng và phúc lợi Công ty từ lợi nhuận sau thuế của năm 2018 và năm 2019 là 10% lợi nhuận sau thuế.

34. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	4.145.454.545	3.481.418.182

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	4.145.454.545	3.481.418.182
	4.145.454.545	3.481.418.182

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê văn phòng làm việc tại số 32 Ngõ Thời Nhiệm, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN
Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan của Công ty là Tập đoàn Điện lực Việt Nam, các Công ty con và Công ty liên kết do Tập đoàn Điện lực Việt Nam đầu tư và chi phối.

Giao dịch trong năm chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	40.206.930.886	59.090.948.843
Tập đoàn điện lực Việt Nam - BQLDA nhiệt điện Vĩnh Tân	63.588.416.640	55.204.450.307
Ban QLDA các công trình điện miền Nam	78.341.102.129	42.845.745.714
Ban QLDA Điện lực miền Nam	38.981.080.070	28.103.525.778
Ban QLDA thủy điện Sụng Bung 2 - CN Tổng Công ty phát điện 2	11.316.122.739	14.955.644.547
Ban QLDA nhiệt điện 3 - CN Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Phát điện 1	540.086.833	12.828.246.679
Công ty CP thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	9.318.304.769	11.093.186.914
Ban QLDA Lưới điện miền Trung	2.339.512.094	9.939.234.023
Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	8.493.483.615	4.897.871.701
Ban QLDA TTĐL Ô môn	-	4.750.046.039
Công ty Truyền tải điện 3	4.025.350.772	3.481.109.238
Ban QLDA Lưới điện TPHCM	4.045.426.126	2.542.925.469
Công ty Truyền tải điện 4	1.747.885.989	2.259.106.622
Công ty TNHH Sunpro Bến Tre - Bến Tre số 8	-	1.750.000.000
Công ty Thủy Điện Buôn Kuop	2.076.034.567	1.740.697.273
Ban QLDA Nhiệt Điện 2	-	1.686.741.010
Công ty TNHH MTV- Tổng Công ty Phát điện 3	1.600.282.126	1.049.058.011
CN Genco 3 - Công ty nhiệt điện Vĩnh Tân	16.425.468.910	875.500.000
Công ty CP Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	1.318.156.910	-
Ban Quản lý dự án điện 3 - CN Tập Đoàn Điện lực Việt Nam	2.764.753.134	-
Ban QLDA Điện 2 - CN Tập đoàn Điện lực Việt Nam	3.373.122.627	-
CN Tổng Công ty Phát điện 1 - Công ty Thủy Điện Đại Ninh	1.714.693.753	-
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH	9.216.954.547	-
Bên liên quan khác	4.262.481.767	7.187.652.051
	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
Mua hàng và dịch vụ		
Công ty thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	1.399.363.753	542.536.886
Điện lực Sài Gòn	782.427.055	443.317.808
Trung Tâm Điện Lực Miền Trung	181.369.375	158.060.235
	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
Cổ tức đã trả trong năm		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	4.037.134.000	4.037.134.000
Công ty Cổ phần Đầu Tư Toàn Việt	645.349.000	634.858.000
Trần Quốc Điền	507.229.000	448.215.000
Cổ đông khác	3.034.197.850	3.008.617.300
	<u>8.223.909.850</u>	<u>8.128.824.300</u>

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
Lương, các khoản thưởng và phúc lợi khác	<u>5.896.774.244</u>	<u>4.009.241.886</u>

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu ngắn hạn	101.719.046.816	51.906.094.611
Ban QLDA các công trình điện miền Nam	27.917.447.401	7.462.456.883
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	15.098.553.050	7.702.025.768
Ban QLDA Điện Lực Miền Nam	10.191.898.008	364.525.042
Ban QLDA nhiệt điện 3	209.397.090	4.010.206.847
Ban QLDA lưới điện TP. HCM	1.946.612.149	-
Công ty Thủy điện Trị An	1.017.830.000	1.001.330.000
Công ty Thủy điện Đa Nhim Hàm Thuận Đa Mi	-	1.080.082.440
Ban QLDA nhiệt điện 2	2.418.828.407	2.418.828.407
Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	3.423.920.444	1.871.585.506
Ban QLDA Nhiệt Điện Vĩnh Tân	16.561.649.447	16.325.934.105
Ban QLDA Thủy Điện Sông Bung 2	8.537.490.337	6.346.632.750
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH	5.439.104.002	-
Công ty Thủy Điện Đại Ninh	1.508.930.502	-
Ban Quản lý dự án Điện 3	2.406.934.660	-
Bên liên quan khác	5.040.451.319	3.322.486.863
Phải thu dài hạn	18.788.416.273	15.793.618.278
Ban QLDA các công trình điện miền Nam	3.050.343.604	3.166.643.626
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	6.673.222.408	1.822.664.426
Ban QLDA Điện Lực Miền NamPC 2	2.714.122.615	2.221.385.353
Ban QLDA Thủy Điện 1	1.244.364.245	1.244.364.245
Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	1.499.881.268	-
Ban QLDA Thủy Điện Sông Bung 2	-	3.593.427.474
Bên liên quan khác	3.606.482.133	3.745.133.154
	120.507.463.089	67.699.712.889
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả		
Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	384.319.234	319.959.153
Công ty CP EVN Quốc tế	-	442.123.628
	384.319.234	762.082.781
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Người mua trả tiền trước		
Ban QLDA các công trình điện miền Nam	12.772.809.501	10.444.815.196
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	3.055.267.728	2.912.775.758
Ban QLDA Điện Lực Miền Nam	9.929.726.206	17.403.272.122
Ban QLDA lưới điện TP. HCM	1.392.358.714	2.421.127.163
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	2.359.745.640	2.471.075.484
Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	413.065.000	3.275.438.000
Ban QLDA nhiệt điện Vĩnh Tân	691.500.000	2.550.986.309
Ban QLDA Thủy Điện Sông Bung 2	-	1.340.380.697
Công ty nhiệt điện Vĩnh Tân	-	2.487.192.400
Bên liên quan khác	4.960.317.943	2.059.520.425
	35.574.790.732	47.366.583.554

36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu lãi tiền gửi trong năm không bao gồm 201.575.000 đồng (2018: 94.172.222đồng), là số lãi tiền gửi phát sinh trong năm mà chưa được nhận được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trong năm không bao gồm 662.177.675 đồng (2018: 609.431.575đồng), là số tiền cổ tức trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Trong năm 2019, Công ty có phát sinh khoản vay từ quỹ lương 2018 của cán bộ công nhân viên dựa trên thỏa thuận thỏa thuận ký kết Biên bản số 0308-0313/BB-TVĐ3 ngày 28 tháng 3 năm 2019. Nghiệp vụ này không làm ảnh hưởng đến dòng tiền nên không được trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của kỳ báo cáo năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh		
	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018		
	Số đã báo cáo VND	Số phân loại lại VND	Thay đổi VND
- Chi phí bán hàng	18.107.147.168	21.506.430.960	3.399.283.792
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	63.326.887.593	59.927.603.801	(3.399.283.792)

Ghi chú: Toàn bộ báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán được đăng trên địa chỉ Website: www.pecc3.com.vn

